# KHUNG

SỞ Y TẾ LẠNG SƠN

**BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

\*\*\*

***(Ban hành theo Quyết định số 141/QĐ–BV ngày 02/11/2017***

***của Bệnh viện)***

**TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ**

#   *Lạng Sơn, tháng 11 năm 2017*

# 1. CHẨN TRỊ TỌA CỐT PHONG

# ( ĐAU THẦN KINH TỌA )

# Mã ICD: M54.3

### I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

**A. Bệnh danh**: **Tọa cốt thống, Tọa cốt phong, Tọa đồn phong, Tọa điến phong.**

**B.** **Các thể bệnh và điều trị**

**1. Thể trúng phong hàn phạm kinh lạc**

**🗸 Triệu chứng:** Đau lưng lan xuống mông, mặt sau đùi, cẳng chân đến gót mũi bàn chân, đi lại khó khăn có cảm giác kiến bò, tê cóng hoặc như kim châm ở bờ ngoài bàn chân chéo qua mu bàn chân đến ngón cái hoặc ở gót chân hoặc ngón út chưa teo cơ. Trời lạnh đau tăng, toàn thân sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù.

**🗸 Pháp điều trị:** Khuphong, tán hàn, hành khí hoạt huyết.

**🗸 Bài thuốc: Đối pháp lập phương**

Độc hoạt 12g - 16g Phòng phong 12g - 17g

Chỉ xác 12g - 17g Một dược 12g – 17g

Tần giao 12g - 17g Thổ phục linh 12g - 17g

Bạch linh 12g - 17g Tế tân 08g - 14g

Quế chi 08g - 14g Thục địa 12g - 17g

Uy linh tiên 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Kê huyết đằng 12g - 17g Đương quy 08g - 14g

Ngưu tất 12g - 17g Bạch thược 12g - 17g

Đại táo 12g - 17g Nhũ hương 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

+ Chế phẩm: Khung phong hoàn, Didicera...

+ Chè an thần...

+ Thuốc dùng ngoài: Cồn xoa bóp xoa vùng đau 2-3 lần/ngày...

- Thủy châm:Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

- Điện châm:

+ Tại chỗ: Các huyệt vùng thắt lưng, A thị huyệt, các huyệt kinh đởm, kinh bàng quang.

+ Toàn thân: Các huyệt Phong trì, Huyết hải...

- Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…

- Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.

- Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của Bác sỹ.

- Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, paraphin, Tập vận động trị liệu, Ngâm thuốc YHCT…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2. Thể phong hàn thấp tý**

**🗸 Triệu chứng**:Đau âm ỉ vùng thắt lưng cùng, lan xuống chân dọc theo đường đi của dây thần kinh hông với những đợt đau tăng, cảm giác nặng nề, đau nhiều về đêm và khi lạnh ẩm, nằm nghỉ không đỡ đau, thích xoa bóp, chườm nóng, ngại vận động, cơ mềm nhẽo, teo cơ, bệnh kéo dài hay tái phát, thường đau 2 bên hoặc nhiều rễ, toàn thân sợ lạnh, chân tay lạnh, mệt mỏi, ăn kém, ngủ ít, lưỡi bệu, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi mỏng, nhờn, dính, mạch trầm nhược hay nhu hoãn...

**🗸 Pháp điều trị:** Bổ can thận, khu phong, tán hàn, trừ thấp, hoạt huyết.

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Độc hoạt tang ký sinh.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Ba kích 12g - 17g Huyết đằng 12g - 17g

Độc hoạt 12g - 17g Đẳng sâm 12g - 17g

Phòng phong 12g - 17g Bạch linh 12g - 17g

Tang ký sinh 12g - 17g Cam thảo 08g - 14g

Đỗ trọng 12g - 17g Đương quy 08g - 14g

Tần giao 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Ngưu tất 12g - 17g Thục địa 12g - 17g

Nhũ hương 12g - 17g Một dược 12g - 17g

Đại táo 12g - 17g Táo nhân sao 12g - 17g

Nhục thung dung 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

+ Chế phẩm: Khung phong hoàn, Didicera, Chè an thần...

+ Thuốc dùng ngoài: Cồn xoa bóp xoa vùng đau 2-3 lần/ ngày.

- Thủy châm: Vitamin nhóm B...

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

**-** Điện châm:Châm bổ huyệt: can du, thận du, mệnh môn, tỳ du, túc tam lý...

+ Tại chỗ: Các huyệt vùng thắt lưng, A thị huyệt...

+ Toàn thân: Huyết hải, Túc tam lý, Dương lăng tuyền. Các huyệt Kinh đởm và kinh bàng quang...

- Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…

- Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.

- Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của Bác sỹ.

- Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, paraphin, Ngâm thuốc YHCT, Tập vận động trị liệu…Theo chỉ định của Bác sỹ.

### II. Y HỌC HIỆN ĐẠI

### 1. Triệu chứng

### ❖ Cơ năng: Đau dọc đường đi của dây thần kinh hông to, đau tại cột sống thắt lưng lan tới mặt ngoài đùi, mặt trước ngoài cẳng chân, mắt cá ngoài và tận ở các ngón chân, có thể liên tục hoặc từng cơn, giảm khi nằm nghỉ, tăng khi đi lại nhiều. Hoặc kiểu đau trong trường hợp có hội chứng chèn ép: tăng khi ho, rặn, hắt hơi, có thể có triệu chứng yếu cơ. Giai đoạn muộn có teo cơ tứ đầu đùi, hạn chế vận động, có thể có tư thế giảm đau, co cứng cơ cạnh cột sống.

### ❖ Thực thể: Thống điểm đau Valleix (+), Dấu hiệu bấm chuông (+), Dấu hiệu Lasègue (+), Bonnet (+); Néri (+), Phản xạ gân xương giảm hoặc mất.

### ❖ Cận lâm sàng: Chụp X-Quang cột sống thẳng nghiêng có thể thấy các hình ảnh tổn thương, thoái hóa, mỏ xương, gai đôi, trượt các đốt sống thắt lưng...

### 2. Điều trị

❖ **Nội khoa**

* Thuốc điều hòa tuần hoàn vi mạch...
* Dùng thuốc giảm đau, kháng viêm không steroid...
* Thuốc giãn cơ, Vitamin nhóm B, tiêm cạnh cạnh cột sống: corticosteroid...
* ❖ **Ngoại khoa**: Trường hợp phải điều trị ngoại khoa thì chuyển tuyến.

# 2. CHẨN TRỊ KHẨU NHÃN OA TÀ

# ( BỆNH DÂY THẦN KINH MẶT, LIỆT BELL)

# Mã ICD: G51

### I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

**A. Bệnh danh:** Khẩu nhãn oa tà**.**

**B.** **Các thể bệnh và điều trị**

**1. Thể trúng phong hàn kinh lạc**

**🗸 Triệu chứng:** Người bệnh sau khi gặp lạnh (mưa, gió) tự nhiên thấy mắt nhắm không kín, miệng méo lệch cùng bên mắt, uống nước trào ra, không huýt sáo được, ăn mắc thức ăn ở góc hàm bên liệt, toàn thân thấy sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù.

**🗸 Pháp điều trị:** Khu phong tán hàn thông kinh hoạt lạc (hoạt huyết, hành khí).

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Đại tần giao thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Phòng phong 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Khương hoạt 12g - 17g Tần giao 12g - 17g

Độc hoạt 12g - 17g Đương quy 08g - 14g

Quế chi 08g - 14g Hoàng cầm 12g - 17g

Bạch chỉ 12g - 17g Thục địa 12g - 17g

Uy linh tiên 12g - 17g Đẳng sâm 12g - 17g

Ngưu tất 12g - 17g Bạch truật 12g - 17g

Cam thảo 08g - 12g Bạch linh 12g - 17g

Bạch thược 12g - 17g Thổ phục linh 12g - 17g

Huyết đằng 12g – 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

+ Chế phẩm: Hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, Thuốc dùng ngoài...

- Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

- Điện châm:

+ Tại chỗ: Các huyệt bên liệt, Thái dương, đồng tử liêu, dương bạch, ngư yêu, tình minh, toản trúc, quyền liêu, nghinh hương, địa thương, giáp xa, nhân trung, phong trì, bách hội, thừa tương...

+ Toàn thân: Hợp cốc bên đối diện.

- Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…

- Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể

- Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.

- Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazer nội mạch, điện xung… theo chỉ định của Bác sỹ.

**2. Thể trúng phong nhiệt ở kinh lạc** *(do viêm nhiễm).*

**🗸 Triệu chứng**: Tự nhiên thấy mắt nhắm không kín, miệng méo lệch sang bên lành, uống nước trào ra, không huýt sáo được, ăn mắc thức ăn ở góc hàm bên liệt, toàn thân có sốt, sợ gió, sợ nóng, rêu lưỡi trắng dày, mạch phù sác.

**🗸 Pháp điều trị**: Khu phong thanh nhiệt, hoạt huyết.

**🗸 Bài thuốc: Đối pháp lập phương**

Phòng phong 12g - 17g Ké đầu ngựa 12g - 17g

Xuyên khung 12g - 17g Thổ phục linh 12g - 17g

Đan sâm 12g - 17g Khương hoàng 12g - 17g

Ngưu tất 12g - 17g Cam thảo 08g - 14g

Đương quy 08g - 14g Đại táo 12g - 17g

Bạch thược 12g - 17g Kim ngân hoa 12g - 17g

Bạch linh 12g - 17g Bồ công Anh 12g- 17g

Liên kiều 12g - 17g Lạc tiên 12g - 17g

Cát căn 12g - 17g Huyết đằng 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g

* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

+ Chế phẩm: Hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần...

- Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm:

+ Tại chỗ: Các huyệt bên liệt, Thái dương, đồng tử liêu, dương bạch, ngư yêu, tình minh, toản trúc, quyền liêu, nghinh hương, địa thương, giáp xa, nhân trung, phong trì, bách hội, thừa tương.

+ Toàn thân: Hợp cốc bên đối diện, nội đình, khúc trì, Đại trùy.

- Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…

- Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể

- Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.

- Phối kết hợp các thủ thuật: lazes nội mạch, điện xung …Theo chỉ định của Bác sỹ.

**3. Thể huyết ứ ở kinh lạc**

**🗸 Triệu chứng**: Triệu chứng liệt VII đã trình bày ở trên, tìm hiểu nguyên nhân gây sang chấn như ngã, thương tích, sau mổ vùng hàm mặt, xương chũm ...

**🗸 Pháp điều trị**: Khứ ứ hoạt huyết, hành khí.

**🗸 Bài thuốc: Đối pháp lập phương**

Đan sâm 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Đương quy 08g - 14g Bạch thược 12g - 17g

Ngưu tất 12g - 17g Thục địa 12g - 17g

Hương phụ 12g - 17g Kê huyết đằng 12g - 17g

Uất kim 12g - 17g Trần bì 08g - 14g

Tô mộc 12g - 17g Chỉ xác 12g - 17g

Đại táo 12g - 17g Cam thảo 08g - 14g

Đẳng sâm 12g - 17g Bạch linh 12g - 17g

Bạch truật 12g - 17g Táo nhân 12g - 17g

Nhũ hương 12g - 17g

- Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.

* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

+ Chế phẩm: Hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần...

- Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm:
* Tại chỗ: Các huyệt bên liệt, Thái dương, đồng tử liêu, dương bạch, ngư yêu, tình minh, toản trúc, quyền liêu, nghinh hương, địa thương, giáp xa, nhân trung, phong trì, bách hội, thừa tương.
* Toàn thân: Hợp cốc bên đối diện, huyết hải, Cách du, túc tam lý (2 bên) châm tả lưu kim 20 phút.
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung…Theo chỉ định của Bác sỹ.

### II. Y HỌC HIỆN ĐẠI

**1. Triệu chứng**

**❖ Cơ năng:** Người bệnh thấy tê bì các cơ nửa mặt kèm theo mắt nhắm không kín, miệng méo lệch sang bên đối diện, uống nước trào ra bên mép, không huýt sáo được.

**❖ Thực thể**

* Mặt không cân đối, nhân trung lệch về một bên, rãnh mũi má mờ hoặc mất, đuôi khóe mắt bên liệt mở to hơn, lông mi bên liệt thấp xuống, khi hoạt động mắt thì mất cân đối rõ rệt.
* Dấu hiệu Charler - Bell dương tính.
* Dấu hiệu souques (+).
* Mắt bên liệt thường không nhắm được, hoặc không nhắm kín.

**2. Điều trị**

* Thuốc điều hòa tuần hoàn vi mạch, Kháng sinh, chống viêm, giảm đau...
* Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh: (Cinarizin, Piracetam, Nivalin...).
* Thuốc tăng tuần hoàn não: Vinpocetin, Ginko biloba...
* Thuốc corticoid, Thuốc nhỏ mắt, Thuốc Vitamin nhóm B...

# 3. CHẨN TRỊ TRÚNG PHONG KINH LẠC

# ( ĐỘT QUỴ KHÔNG XÁC ĐỊNH DO XUẤT HUYẾT NÃO

# HAY NHỒI MÁU NÃO )

# Mã ICD: I64

### I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

* 1. **Bệnh danh**: Trúng phong
	2. **Các thể bệnh và điều trị**

**1. Trúng phong kinh lạc**

**a. Thể âm hư dương xung**

**🗸 Triệu chứng:** Liệt 1/2 người, nhức đầu, chóng mặt, ù tai dễ cáu gắt, miệng đắng, mắt đỏ, mặt đỏ, táo bón, rêu lưỡi vàng khô, mạch huyền sác.

**🗸 Pháp điều trị:** Tư âm, tiềm dương, hoạt huyết, hành khí

**🗸 Bài thuốc:**

**+ Bài 1:** Đạo đàm thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Thiên ma 12g - 17g Ích mẫu 12g - 17g

Câu đằng 12g - 17g Ngưu tất 12g - 17g

Bạch linh 12g - 17g Chi tử 12g - 17g

Tang ký sinh 12g - 17g Thảo quyết minh 12g - 17g

Đỗ trọng 12g - 17g Hoàng cầm 12g - 17g

Đan sâm 12g - 17g Hồng hoa 12g - 17g

Hoa hòe 12g - 17g Hà thủ ô 12g - 17g

Kê huyết đằng 12g - 17g Nhũ hương 12g - 17g

Địa long 12g - 17g Viễn trí 08g - 14g

Thạch xương bồ 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

**+ Bài 3: Đối pháp lập phương**

Thiên ma 12g - 17g Câu đằng 12g - 17g

Thảo quyết minh 12g - 17g Đỗ trọng 12g - 17g

Tang ký sinh 12g - 17g Ích mẫu 12g - 17g

Ngưu tất 12g - 17g Thạch xương bồ 12g - 17g

Hoàng cầm 12g - 17g Bạch linh 12g - 17g

Hà thủ ô 12g - 17g Viễn trí 08g - 14g

Ba kích 12g - 17g Cúc hoa 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Bá tử nhân 12g - 17g

Đan sâm 12g - 17g Trạch tả 12g - 17g

Địa long 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

* Chế phẩm: Hoa đà tái tạo hoàn hoặc hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Các huyệt vùng mặt, tay chân bên liệt...
* Châm theo bát hội huyệt...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ,: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, Tập vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngâm thuốc YHCT …Theo chỉ định của Bác sỹ.

**b. Thể can thận hư**

**🗸 Triệu chứng:** Liệt 1/2 người chóng mặt, hoa mắt, miệng khô, chất lưỡi đỏ, mạch huyền sác (thiên về âm hư)

**🗸 Pháp điều trị:** Bổ can thận, hành khí hoạt huyết.

**🗸 Bài thuốc:**

**+ Bài 1:** Lục vị thang.

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Địa long 12g - 17g Kỷ tử 12g - 17g

Huyết đằng 12g - 17g Bạch linh 12g - 17g

Hòe hoa 12g - 17g Thảo quyết minh 12g - 17g

Trạch tả 12g - 17g Đan sâm 12g - 17g

Đương quy 08g - 14g Bạch thược 12g - 17g

Thục địa 12g - 17g Viễn trí 08g - 12g

Thạch xương bồ 12g - 17g Hoài sơn 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Cúc hoa 12g - 17g

Ngưu tất 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

**+ Bài 3: Đối pháp lập phương**

Thục địa 12g - 17g Hoài sơn 12g - 17g

Tỳ giải 12g - 17g Kỷ tử 12g - 17g

Địa long 12g - 17g Trạch tả 12g - 17g

Bạch linh 12g - 17g Cúc hoa 12g - 17g

Hòe hoa 12g - 17g Thảo quyết minh 12g - 17g

Ba kích 12g - 17g Thạch xương bồ 12g - 17g

Đỗ trọng 12g - 17g Thiên ma 12g - 17g

Đan sâm 12g - 17g Táo nhân 12g - 17g

Lạc tiên 12g - 17g Thương truật 12g - 17g

Viễn trí 08g - 14g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03-05 vị).*

+ Chế phẩm: Hoa đà tái tạo hoàn hoặc hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...

+ Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm:

+ Các huyệt vùng mặt, tay chân bên liệt...

+ Châm theo bát hội huyệt...

* Mãng châm, laser châm, cấy chỉ các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, tập vận động trị liệu, hoạt động trị liệu, ngâm thuốc YHCT… theo chỉ định của Bác sỹ.

**c. Thể đàm thấp**: hay gặp ở người béo, cao huyết áp và cholesterol máu cao.

**🗸 Triệu chứng:** Liệt 1/2 người, người béo bệu, ngực sườn đầy tức, hay lượm giọng buồn nôn, ăn ít ngủ kém, rêu lưỡi trắng dính, miệng nhạt mạch huyền hoạt (thể đàm thấp).

**🗸 Pháp điệu trị:** Kiện tỳ, trừ thấp, hóa đàm, hành khí, hoạt huyết.

**🗸 Bài thuốc:**

**+ Bài 1:** Bán hạ bạch truật thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Bạch linh 12g - 17g Bán hạ chế 08g - 14g

Bạch truật 12g - 17g Hoài sơn 12 g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Viễn trí 08g - 14g

Ý dĩ 12g - 17g Ngũ gia bì 12g - 17g

Đẳng sâm 12g - 17g Ngưu tất 12g - 17g

Trần bì 08g - 14g Tang ký sinh 12g - 17g

Thiên ma 12g - 17g Đương quy 08g - 14 g

Câu đằng 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Hoa hòe 12g - 17g Thạch xương bồ 12g - 17g

Địa long 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

**+ Bài 3: Đối pháp lập phương**

Thương truật 12g - 17g Trạch tả 12g - 17g

Bán hạ 08g - 14g Trần bì 08g - 14g

Bạch linh 12g - 17g Thạch xương bồ 12g - 17g

Bạch truật 12g - 17g Ngưu tất 12g - 17g

Thiên ma 12g - 17g Ba kích 12g - 17g

Câu đằng 12g - 17g Đại táo 12g - 17g

Hòe hoa 12 g - 17g Viễn trí 08g - 14g

Cúc hoa 12 g - 17g Thảo quyết minh 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Đỗ trọng 12g- 17g

Địa long 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Chè hạ áp....
* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm:

+ Các huyệt vùng mặt, tay chân bên liệt...

+ Châm theo bát hội huyệt...

* Mãng châm, laser châm, cấy chỉ các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, Tập vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngâm thuốc YHCT …Theo chỉ định của Bác sỹ.

**d. Thể khí huyết hư**:***(thường gặp người huyết áp thấp)***

**🗸 Triệu chứng:**Liệt 1/2 người, hoa mắt chóng mặt da xanh, ăn kém, ngủ kém, lưỡi nhợt, mạch trầm tế).

**🗸 Pháp điều trị**: ích khí, hoạt huyết, thông kinh hoạt lạc.

**🗸 Bài thuốc:**

**+ Bài 1:** Thái sơn bàn thạch thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Đẳng sâm 12g - 17g Đương quy 08g - 14g

Bạch linh 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Bạch truật 12g - 17g Xích thược 12g - 17g

Hoài sơn 12g - 17g Ngưu tất 12g - 17g

Hoa hòe 12g - 17g Địa long 12g - 17g

Hồng hoa 08g - 14g Viễn trí 08g - 14g

Đào nhân 08g - 14g Thạch xương bồ 12g - 17g

Khương hoàng 12g - 17g Huyết đằng 12g - 17g

Thương truật 12g - 17g Táo nhân 12g - 17g

Hoàng kỳ 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều
* Liệu trình 20-25 ngày

 *(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

**+ Bài 3: Đối pháp lập phương**

Cúc hoa 12g - 17g Địa long 12g - 17g

Đẳng sâm 12g - 17g Long nhãn 12g - 17g

Bạch truật 12g - 17g Hòe hoa 12g - 17g

Đương quy 12g - 17g Ngưu tất 12g - 17g

Mộc hương 08g - 14g Hoàng cầm 12g - 17g

Tang ký sinh 12g - 17g Thạch xương bồ 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Ngũ gia bì 12g - 17g

Liên nhục 12g - 17g Đại táo 12g - 17g

Thục địa 12g - 17g Kỷ tử 12g - 17g

Biển đậu 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều
* Liệu trình 20-25 ngày
* *(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

+ Chế phẩm: Hoa đà tái tạo hoàn hoặc hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...

* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm:

+ Các huyệt vùng mặt, tay chân bên liệt...

+ Châm theo bát hội huyệt...

* Mãng châm, Laser châm, cấy chỉ các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, Tập vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngâm thuốc YHCT …Theo chỉ định của Bác sỹ.
1. **Di chứng trúng phong kinh lạc**

**🗸 Triệu chứng lâm sàng:** Người bệnh bị tai biến mạch máu não nhủ cao huyết áp, xơ cứng động mạch... Có các triệu chứng như các thể của trúng phong kinh lạc...

**🗸 Bài thuốc:** Dùng các bài thuốc bổ can thận, bổ khí huyết... Tùy từng tình trạng bệnh nhân, chỉ định phác đồ điều trị phù hợp với chẩn đoán...

### II. Y HỌC HIỆN ĐẠI

1. **Triệu chứng**

**❖ Cơ năng**

+ Tai biến mạch máu não (TBMMN) là một hội chứng thiếu sót chức năng não khu trú hơn lan tỏa, hay xảy ra đột ngột các thiếu sót chức năng thần kinh thường là khu trú hơn lan tỏa, tồn tại quá 24 giờ hoặc gây tử vong trong 24 giờ.

**❖ Thực thể**

* Các khám xét loại trừ nguyên nhân chấn thương.
* Giai đoạn người bệnh TBMMN liệt nửa người, không hôn mê; mạch, huyết áp, nhịp thở ổn định.

**2. Điều trị:** Nếu huyết áp tăng: chọn 1 trong 5 nhóm thuốc hạ áp (lợi tiểu, chẹn kênh canxi, ức chế men chuyển, chẹn thụ thể, chẹn bê ta).

* Thuốc điều hòa tuần hoàn vi mạch, dẫn truyền thần kinh...
* Nhóm thuốc khác (thuốc tăng tuần hoàn não...) Thuốc an thần, thuốc lợi tiểu...

# 4. CHẨN TRỊ HUYỄN VỰNG

# ( TĂNG HUYẾT ÁP )

# Mã ICD: I10

### I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

**A. Bệnh danh:** **Huyễn vựng**

**B. Các thể bệnh và điều trị**

**1. Thể âm hư dương xung**

**🗸 Triệu chứng lâm sàng**: Người bệnh thấy váng đầu, hoa mắt, ù tai, mặt đỏ, tính tình nóng nảy hay cáu giận, miệng đắng, ngủ kém. Lưỡi đỏ, mạch huyền.

**🗸 Pháp điều trị**: Bình can tiềm dương, thanh hoả, tức phong

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Thiên ma câu đằng ẩm.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Thiên ma 08g - 12g Câu đằng 12g - 17g

Thảo quyết minh 12g - 17g Đỗ trọng 12g - 17g

Tang ký sinh 12g - 17g Ích mẫu 12g - 17g

Ngưu tất 12g - 17g Chi tử 12g - 17g

Hoàng cầm 12g - 17g Bạch linh 12g - 17g

Hà thủ ô 12g - 17g Hòe hoa 12g - 17g

Ba kích 12g - 17g Cúc hoa 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Viễn trí 08g - 14g

Đan sâm 12g - 17g Trạch tả 12g - 17g

Tỳ giải 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

 *(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Chế phẩm: hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Rãnh hạ áp, Bách hội, Thái dương xuyên Đồng tử liêu, Suất cốc, Phong trì, Hành gian, Trung đô, Khâu khư,, Can du, Đởm du, Ngoại quan xuyên, Nội quan, Khúc trì, Thiên khu, Dương lăng tuyền xuyên Âm lăng tuyền, Thái xung...
* Châm bổ các huyệt: Thận du, Thái khê, Âm cốc, Tam âm giao, Huyết hải, Phong long, Thần môn...
* Mãng châm, Laser châm, cấy chỉ các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lazes nội mạch, ngâm thuốc YHCT … theo chỉ định của Bác sỹ.

**2. Thể đàm thấp hay gặp ở người béo, có cao huyết áp và cholesterol máu cao**

**🗸 Triệu chứng**

 Hoa mắt chóng mặt, cảm giác nặng nề, bụng đầy, ngực sườn đầy tức, hay lợm giọng buồn nôn, ăn ít ngủ kém, hay mê, lưỡi bệu rêu lưỡi trắng dính, miệng nhạt, Mạch huyền hoạt. (Nếu đàm thấp hóa hỏa thì ngủ hay giật mình, đầu có cảm giác tức căng, Mạch hoạt sác.)

**🗸 Pháp điều trị**: Kiện tỳ trừ thấp hóa đàm

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Bán hạ bạch truật thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Thương truật 12g - 17g Trạch tả 12g - 17g

Bán hạ 12g - 17g Trần bì 08g - 14g

Bạch linh 12g - 12g Cam thảo 08g - 14g

Bạch truật 12g - 17g Ngưu tất 12g - 17g

Thiên ma 12g - 17g Ý dĩ 12g - 17g

Câu đằng 12g - 17g Đại táo 12g - 17g

Hòe hoa 12g - 17g Viễn trí 08g - 14g

Cúc hoa 12g - 17g Thảo quyết minh 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Đỗ trọng 12g - 17g

 Ba kích 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Chế phẩm: hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

- Điện châm: Thái xung, Phong long, Túc tam lý, Dương lăng tuyền, can du, đởm du. túc lâm khấp, rãnh hạ áp...

* Mãng châm, laser châm, cấy chỉ các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lazes nội mạch, ngâm thuốc YHCT … theo chỉ định của Bác sỹ.

**3. Thể can thận hư** (Hay gặp THA ở người già, xơ cứng động mạch)

**🗸 Triệu chứng**: Hoa mắt chóng mặt, váng đầu, mệt mỏi, hay quên, đau lưng mỏi gối, ù tai, hoảng hốt, dễ sợ, ngủ ít, hay nằm mê, miệng khô mắt đỏ, chất lưỡi đỏ, lòng bàn tay bàn chân nóng, tiểu vàng, mạch huyền tế. (Nếu thiên về dương hư thì mặt trắng, chân gối mềm yếu, đi tiểu nhiều, di tinh, liệt dương, mạch trầm tế).

**🗸 Pháp điều trị**: Tư dưỡng can thận, bổ can thận.

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Lục vị thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Thục địa 12g - 17g Hoài sơn 12g - 17g

Tỳ giải 12g - 17g Kỷ tử 12g - 17g

Đan bì 12g - 17g Trạch tả 12g - 17g

Bạch linh 12g - 17g Cúc hoa 12g - 17g

Hòe hoa 12g - 17g Thảo quyết minh 12g – 17g

Ba kích 12g - 17g Ích trí nhân 12g - 17g

Đỗ trọng 12g - 17g Thiên ma 12g - 17g

Đan sâm 12g - 17g Táo nhân 12g - 17g

Lạc tiên 12g - 17g Thương truật 12g - 17g

Viễn trí 08g – 14g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Chế phẩm: hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Châm bổ các huyệt: Thái khê, Tam âm giao, Thận du, Can du, Huyết hải. Nếu dương hư có thể cứu các huyệt Quan nguyên, Khí hải, Mệnh môn.
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lazes nội mạch, Ngâm thuốc YHCT …Theo chỉ định của Bác sỹ.

**4. Thể tâm tỳ hư:** Hay gặp THA ở người già có kèm theo các bệnh loét dạ dày tá tràng và viêm đại tràng mạn.

**🗸 Triệu chứng:** Sắc mặt trắng, da khô, mệt mỏi, ngủ ít, ăn kém, hay đi phân lỏng, đau đầu chóng mặt, rêu lưỡi nhạt, mạch huyền tế.

**🗸 Pháp điều trị**: Kiện tỳ bổ huyết an thần.

**🗸 Bài thuốc:**

**+ Bài 1:** Quy tỳ thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Cúc hoa 12g - 17g Lạc tiên 12g - 17g

Đẳng sâm 12g - 17g Long nhãn 12g - 17 g

Bạch truật 12g - 17g Hòe hoa 12g - 17g

Đương quy 08g - 14g Ngưu tất 12g - 17g

Mộc hương 08g - 14g Hoàng cầm 12g - 17g

Viễn trí 08g - 14g Tang ký sinh 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Ý dĩ 12g - 17g

Liên nhục 12g - 17g Đại táo 12g - 17g

Thục địa 12g - 17g Hà thủ ô 12g - 17g

Kỷ tử 12g - 17g Biển đậu 12g - 17g

Ngũ gia bì 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Chế phẩm: hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần, chè hạ áp...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Châm bổ các huyệt: Tam âm giao, Túc tam lý, Huyết hải, Nội quan, Thần môn…
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lazer nội mạch, Ngâm thuốc YHCT …Theo chỉ định của Bác sỹ.

### II. Y HỌC HIỆN ĐẠI

1. **Triệu chứng**

**❖ Cơ năng:** Người bệnh, thấy đau đầu, hoa mắt chóng mặt, choáng váng xây xẩm...

**❖ Thực thể**

+ Đo huyết áp trong điều kiện nghỉ ngơi 30 phút, đo ở nhiều vị trí và các tư thế, khi đo có chỉ số huyết áp trên 140/90mmHg.

1. **Điều trị**

+ Tăng huyết áp độ I:

* Chọn 1 trong 5 nhóm thuốc hạ áp nhóm: (lợi tiểu, chẹn kênh canxi, ức chế men chuyển, chẹn thụ thể, chẹn bêta ).
* Nhóm thuốc khác (thuốc tăng tuần hoàn não, tăng cung cấp oxy cho não...)

 + Tăng huyết độ II và độ III:

* Thuốc phối hợp từ 2 loại trong 5 nhóm thuốc hạ áp nhóm: (lợi tiểu, chẹn kênh canxi, ức chế men chuyển, chẹn thụ thể, chẹn bêta...).
* Thuốc tăng tuần hoàn não (Vinpocetin, Ginko biloba....).

+ Nếu huyết áp chưa đạt mục tiêu điều trị:

* Chỉnh liều thuốc tối ưu hoặc phối hợp từ 03 loại thuốc hạ áp trong 5 nhóm thuốc hạ áp nhóm: (lợi tiểu, chẹn kênh canxi, ức chế men chuyển, chẹn thụ thể, chẹn bê ta).
* Nhóm thuốc khác..Điều chỉnh chế độ ăn uống, sinh hoạt phù hợp theo bệnh...

# 5. CHẨN TRỊ HẠ TRĨ

# ( TRĨ )

# Mã ICD: I84

### I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

**A. Bệnh danh: Hạ trĩ**

**B. Các thể bệnh và điều trị**

**1. Thể huyết ứ**

**🗸 Triệu chứng:** Đi ngoài xong máu ra từng giọt, đau, táo bón.

**🗸 Pháp điều trị:** Hoạt huyết lương huyết chỉ huyết, khứ ứ.

**🗸 Bài thuốc:**

**+ Bài 1:** Hoạt huyết đại hoàng thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Hoè hoa sao đen 12g - 17g Hoàng cầm 12g - 17g

Kinh giới sao đen 12g - 17g Đương quy 08g – 14

Trách bá diệp sao đen 12g - 17g Xích thược 12g - 17g

Sinh địa 12g - 17g Địa du 12g - 17g

Trắc bá diệp sao 16g - 21g Xuyên khung 08g - 14g

Huyền sâm 12g - 17g Lạc tiên 12g - 17g

Bạch thược 12g - 17g Huyết đằng 12g - 17g

Kim ngân hoa 12g - 17g Liên kiều 12g - 17g

Táo nhân 12g - 17g Cát căn 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều.
* Liệu trình 20-25 ngày

*(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Bột ngâm trĩ, chè xanh, lá trầu không, phèn phi, ngâm rửa hậu môn 2-3 lần/ 24h.
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Trường cường, Bàng cường, Thứ liêu, Tiểu trường du, Đại trường du, Túc tam lý, Tam âm giao, Thừa sơn, Hợp cốc. Thời gian lưu kim 20 phút/lần.
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, lazes nội mạch: theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2 Thể thấp nhiệt**

**🗸 Triệu chứng:** vùng hậu môn sưng đỏ, trĩ bị sưng to, đau, ngồi đứng không yên, táo bón, nước tiểu đỏ.

**🗸 Pháp điều trị:** Thanh nhiệt lợi thấp, hoạt huyết chỉ thống.

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Chỉ thống thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Hoàng liên 12g - 17g Hoa hoè sao đen 12g - 17g

Hoàng bá 12g - 17g Kim ngân hoa 12g - 17g

Hoàng cầm 12g - 17g Trắc bá diệp sao đen 12g - 17g

Hạ khô thảo 12g - 17g Kinh giới sao đen 12g - 17g

Sinh địa 12g - 17g Chi tử sao đen 12g - 17g

Địa du 12g - 17g Cam thảo 08g -14g

Xích thược 12g - 17g Xuyên khung 08g - 14g

Ô dược 12g - 17g Liên kiều 12g - 17g

Huyền sâm 12g - 17g Táo nhân 12g - 17g

Lạc tiên 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều
* Liệu trình 20 - 25 ngày

 *(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Bột ngâm trĩ, chè xanh, lá trầu không, phèn phi, ngâm rửa hậu môn 2-3 lần/ 24h.
* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Trường cường, Bàng cường, Thứ liêu, Tiểu trường du, Đại trường du, Túc tam lý, Tam âm giao, Thừa sơn, Hợp cốc. Thời gian lưu kim 20 phút/lần.
* Cấy chỉ: Bàng cường, Thứ liêu, Tiểu trường du, Đại trường du, Túc tam lý, Tam âm giao, Hợp cốc.
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, lazes nội mạch: theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.

**3. Thể khí huyết đều hư**

**🗸 Triệu chứng**: Đại tiện ra máu lâu ngày, hoa mắt ù tai, sắc mặt trắng nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch trầm tế. Người mệt mỏi, đoản hơi, tự ra mồ hôi mạch trầm nhược.

**🗸 Pháp điều trị:** Bổ khí huyết, thăng đề, chỉ huyết.

**🗸 Bài thuốc**

**+ Bài 1:** Bổ trung ích khí thang.

**+ Bài 2: Đối pháp lập phương**

Hoàng kỳ 12g - 17g Sài hổ 12g - 17g

Đẳng sâm 12g - 17g Thăng ma 12g - 17g

Đương quy 08g - 14g Địa du sao đen 12g - 17g

Bạch truật 12g - 17g Hoa hoè sao đen 12g - 17g

Trần bì 08g - 14g Kinh giới sao đen 12g - 17g

Cam thảo 08g - 14g Trắc bá diệp sao đen 12g - 17g

Chi tử sao đen 12g - 17g Táo nhân sao 12g - 17g

Xích thược 12g - 17g Liên nhục 12g - 17 g

Hoài sơn 12g - 17g

* Sắc ngày 01 thang: uống sáng, chiều
* Liệu trình 20-25 ngày

 *(Gia, giảm các bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Bột ngâm trĩ, Lá chè xanh, lá trầu không, phèn phi, ngâm rửa hậu môn 2-3 lần/ 24h.
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Châm bổ các huyệt Bách hội, Tỳ du, Vị du, Cao hoang du, Cách du, Quan nguyên, Khí hải...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, lazes nội mạch: theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.

### I. Y HỌC HIỆN ĐẠI

**1. Triệu chứng**

**❖ Cơ năng**

* Chảy máu và sa búi trĩ, kèm theo ngứa, đau (khi viêm, tụ máu), chảy dịch... Trĩ to lên sa ra ngoài hậu môn, có thể trĩ bị phù nề hoặc sưng khá to và mắc nghẹt không thể đẩy lên được làm người bệnh rất đau.
* Chảy máu là triệu chứng thường gặp nhất, tuỳ theo mức độ chảy máu, thời gian chảy máu mà dẫn đến tình trạng thiếu máu.

**❖ Thực thể**

* Thăm khám hậu môn: Các búi trĩ ở các vị trí 8h, 11h, 3h hoặc các vị trí khác ở hậu môn tùy từng mức độ và các loại trĩ...
* Nội soi hoặc sinh thiết để loại trừ các bệnh ung thư vùng hậu môn đại trực tràng mà hay gặp nhất ở người cao tuổi.

**2. Chẩn đoán xác định**: **Trĩ**

**3. Chẩn đoán phân biệt**

+ Ung thư ống hậu môn: phân máu đỏ tươi, đau rát hậu môn, đau liên tục, đau tăng khi đại tiện, luôn có cảm giác mót rặn. Soi ống hậu môn phát hiện khối u sùi loét ống hậu môn.

+ Sa trực tràng: Niêm mạc trực tràng hay đoạn trực tràng sa ra ngoài không có mạch máu căng giãn.

**4. Điều trị**

❖ **Nội khoa**

* Thuốc có tác dụng tăng cường hệ tĩnh mạch, tăng cường sức bền mạch máu, làm giảm tính căng giãn và ứ trệ của tĩnh mạch.
* Thuốc cầm máu, Thuốc giảm phù nề, tiêu viêm, Thuốc giảm đau.
* Thuốc an thần.
* Thuốc dùng tại chỗ dùng viên đạn đặt hậu môn, bột ngâm trĩ...
* Vitamin nhóm B...

❖ **Ngoại khoa**

* Điều trị phẫu thuật: Trĩ chảy máu nhiều, trĩ ngoại, trĩ nội ngoại kết hợp, khi các phương pháp điều trị nội khoa không kết quả, trĩ huyết khối trĩ, trĩ nghẹt, trĩ độ II, III, IV, trĩ vòng...Phẫu thuật có nhiều phương pháp như: Phương pháp Milligan - Morgan, Feguson, tiêm sơ, Longo, thắt vòng cao su, cắt lạnh, sử dụng máy cắt trĩ cao tần, máy LG 2000C kết hợp với khâu treo triệt mạch...
* Trước, trong và sau phẫu thuật mổ cắt trĩ: Tùy từng bệnh nhân có thể cho dùng thuốc an thần, truyền dịch, kháng sinh, giảm nề, giảm đau, cầm máu, huyết thanh kháng uốn ván (SAT)...

# 6. CHẨN TRỊ PHONG CHẨN

# ( MÀY ĐAY, VIÊM DA CƠ ĐỊA DỊ ỨNG, VIÊM DA

# TIẾP XÚC DỊ ỨNG, NGỨA )

# Mã ICD: L50, L29, L20, L23

**I.** **Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**1. Bệnh danh**: Phong chẩn

**2. Các thể bệnh và phương pháp điều trị:**

**2.1. Thể bệnh: Do phong nhiệt**

**\* Triệu chứng:** Mề đay màu hồng tươi, người bệnh khát, mặt có lúc bốc nóng, nước tiểu vàng, táo bón, gặp lạnh thì dễ chịu, rêu lưỡi vàng, mạch phù sác

**\* Pháp điều trị:** Sơ phong thanh nhiệt

- **Bài 1**: Ngân kiều tán gia giảm

- **Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kim ngân hoa | 10g - 20g | Cam thảo | 06g - 08g |
| Liên kiều | 10g - 20g | Bồ công anh | 12g - 16g |
| Sinh địa | 10g - 20g | Huyền sâm | 12g - 16g. |
| Thổ phục | 16g - 20g | Xích thược | 08g - 10g. |
| Hoàng bá | 12g - 16g | Hạ khô thảo | 12g – 16g |
| Ké đầu ngựa | 12g - 16g | Cát căn | 10g - 12g |
| Kinh giới | 08g - 12g | Đan sâm | 12g - 16g |
| Chi tử | 12g - 16g | Phòng phong | 12g - 16g |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng-chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Khúc trì, Hợp cốc, Huyết hải, Phong long, Nội quan,Thần môn,Tam âm giao, A thị huyệt...
* Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.

**2.2. Do Phong hàn:** Hay gặp ở bệnh dị ứng.

**\*Triệu chứng:** Nổi mề đay sắc nhạt, to nhỏ không đều, gặp lạnh ngứa nhiều, chườm nóng thì đỡ, sắc ban thường nhạt có thể phát sốt sợ lạnh, rêu lưỡi trắng. Mạch phù khẩn

**\* Pháp trị:** Khu phong tán hàn:

**Bài 1:** Quế chi thang gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quế chi | 08g - 16g | Đan sâm | 10g - 12g  |
| Sinh khương | 06g - 10g | Phòng phong | 12g - 16g |
| Xuyên khung | 12g - 16g | Ý dĩ | 12g - 16g |
| Ké đầu ngựa | 12g - 16g |  Bạch thược | 12g - 16g  |
| Kinh giới | 12g - 16g | Bạch chỉ | 08g - 16g |
| Tế tân | 06g - 12g | Hoàng kỳ | 12g - 16g |
| Đại táo | 12g - 16g | Thảo quyết minh | 12g - 16g |
| Chi tử | 08g - 12g | Ma hoàng | 08g - 12g |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng-chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Phong trì, Hợp cốc, Huyết hải, Phong long, Nội quan, Thần môn, Tam âm giao, Phong môn, Cách du, A thị huyệt...
* Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**.

**1. Triệu chứng:**

**\* Cơ năng:** ngứa, cảm giác khó chịu

**\* Thực thể:**

* Phát ban: Là triệu chứng dễ nhận thấy và đặc trưng nhất của bệnh, trên da xuất hiện những nốt sẩn, sưng, và có thể lan rộng ra toàn thân. Đặc biệt bệnh gây ra những cảm giác rất ngứa, khó chịu vô cùng.
* Da sưng tấy đỏ: Các vùng da có cấu trúc là tổ chức lỏng lẻo (như môi, mắt) dễ bị sưng tấy nhiều.
* Bội nhiễm: Đây là triệu chứng bệnh dị ứng đã trở nên rất nặng. Nó làm cho người bệnh ngày một ngứa hơn, khó chịu hơn, các vết tổn thương da thường mọc ở đầu, khu vực mặt, đầu gối, khuỷu tay mẩn đỏ.
* Rối loạn hệ tiêu hóa: Tiêu chảy, buồn nôn, hay táo bón cũng chính là những biểu hiện của bệnh dị ứng gây ảnh hưởng đến hệ tiêu hóa người bệnh.
* Nổi mề đay: Triệu chứng này khá nguy hiểm cho người bệnh. Một số bệnh nhân có thể bị tụt huyết áp, khó thở,dị ứng nổi mẩn khắp người.

**\*Cận lâm sàng**:

- CTM, Sinh hóa máu: Chức năng gan GOT, GPT...

**2. Điều trị**

**\*Nội khoa**:

* Thuốc chống bội nhiễm kháng sinh:Amoxicilin….
* Thuốc kháng histamine: Chlorpheniramin, Loratindine….
* Thuốc bôi ngoài: Phenargan, corticoid…
* Thuốc phòng và hỗ trợ gan: Boganic….
* Trường hợp nặng: Glucose 5% + solumedrol 40mg truyền TM chậm...

# 7. CHẨN TRỊ ĐẦU THỐNG

# ( HỘI CHỨNG NHỨC ĐẦU KHÁC )

# Mã ICD: G44

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**1. Bệnh danh:** Huyễn vựng

**2. Các thể bệnh:**

**2.1. Thể Can dương thượng xung:**

**\* Triệu chứng lâm sàng:** Nhức đầu, chóng mặt ù tai, phiền táo hay cáu gắt, mất ngủ hay quên, chất lưỡi đỏ, ít tân dịch, đầu có lúc căng, khi tức giận thì đau tăng, mạch huyền.

**\* Pháp điều trị:** Bình can, tiềm dương, thanh hỏa tức phong.

**Bài 1:** Thiên ma câu đằng ẩm gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sài hồ | 12g - 16g | Kê huyết đằng | 12g - 16g |
| Câu đằng | 12g - 16g  | Câu kỷ tử | 12g - 16g |
| Thiên ma | 12g - 16g | Xuyên khung | 08g - 10g |
| Mạch môn | 10g - 12g | Đan sâm | 10g - 12g |
| Hòe hoa | 12g - 16g | Đại táo | 12g - 16g |
| Cúc hoa | 12g - 16g  | Táo nhân | 12g - 16g |
| Bạch thược | 12g - 16g | Trần bì  | 06g - 08g |
| Đỗ trọng | 12g – 16g | Hương phụ chế | 12g – 16g |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thuốc chế phẩm YHCT:Thuốc tăng tuần hoàn não: Hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần…
* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Các huyệt theo chỉ định của bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Thái xung, Dương bạch, Thái dương, Bách hội, Ấn đường, Thần môn, Tam âm giao, Thái khê, Nội quan, Can du, Tâm du, Thận du...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Lares nội mạch công suất thấp…
* Dưỡng sinh, Xoa bóp bấm huyệt…Theo chỉ định của bác sỹ.

**2.2. Thể đàm trọc**

**\* Triệu chứng lâm sàng:** Chóng mặt, nặng đầu, bụng ngực đầy, buồn nôn ăn ít, ngủ li bì, rêu lưỡi trắng bẩn, mạch nhu hoạt.

**\* Pháp điều trị:** Hóa thấp, trừ đàm, kiện tỳ, hòa vị.

**Bài 1:** Bán hạ bạch truật thiên ma thang gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sài hồ | 12g - 16g | Mạch môn | 12g - 16g |
| Câu đằng | 12g - 16g | Hà thủ ô | 12g - 16g |
| Bạch truật | 12g - 16g | Bạch thược | 12g - 16g |
| Đảng sâm | 12g - 16g | Kê huyết đằng | 12g -16g |
| Đại táo | 12g - 16g | Đan sâm | 12g - 16g |
| Trần bì | 06g - 08g | Ý dĩ | 12g - 16g |
| Bán hạ chế | 10g - 12g | Xuyên khung | 08g - 10g |
| Thiên ma | 06g - 10g |  |  |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thuốc chế phẩm YHCT: Hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần…
* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Các huyệt theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: huyệt Ế phong, Nội quan, Thính cung, Túc tam lý, Trung quản, Phong long, Giải khê, Bách hội, Thần môn, Thận du, Tỳ du…
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của bác sỹ.
* Lares nội mạch công suất thấp…

**2.3. Thể Thận âm bất túc**

**\* Triệu chứng lâm sàng:** Váng đầu, mệt mỏi, hay quên, lưng đau, gối mỏi, ù tai, mất ngủ, di tinh, chân tay lạnh, mạch tế sác.

* Nếu thiên âm hư: Lòng bàn chân, bàn tay ấm, lưỡi đỏ, mạch tế sác.
* Nếu thiên về dương hư: Thì chân tay lạnh, lưỡi bệu, mạch trầm sác.

**\*Pháp điều trị:**

* Nếu thiên về dương hư thì bổ thận, trợ dương.
* Nếu thiên về âm hư thì bổ thận, tư âm.

**+ Thể thận dương hư:**

**Bài 1:** Hữu quy hoàn gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sài hồ  | 12g – 16g  | Đương quy  | 10g – 16g |
| Bạch thược  | 12g – 16g | Đỗ trọng  | 12g – 16g |
| Liên nhục  | 12g – 16g | Lạc tiên  | 12g – 16g |
| Táo nhân  | 12g– 16g | Câu kỷ tử  | 12g – 16g |
| Cam thảo  | 06g – 08g | Ngưu tất  | 12g – 16g |
| Câu đằng  | 12g – 16g | Hoàng kỳ | 12g – 16g |
| Phá cố chỉ  | 10g – 16g | Đảng sâm | 12g – 16g |
| Thỏ ty tử  | 12g – 16g | Ba kích | 12g – 16g |
| Xuyên khung  | 06g – 10g | Khiếm thực | 12g – 16g |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Các huyệt theo chỉ định của bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Ế phong, Nội quan, Thần môn, An miên, Thận du, Thái khê, Túc tam lý...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh... Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lares nội mạch công suất thấp, Sóng ngắn, Điện xung, Điện phân, Siêu âm điều trị, Paraphin, Hồng ngoại…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**+ Thể thận âm hư:**

**Bài 1:** Tri bá địa hoàng hoàn gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sài hồ | 12g - 16g | Tục đoạn | 12g - 16g  |
| Câu đằng | 12g - 16g  | Cẩu tích | 12g - 16g  |
| Mạch môn | 10g - 12g  | Đỗ trọng | 12g - 16g  |
| Bạch thược | 12g - 16g  | Kê huyết đằng | 16g - 20g  |
| Đảng sâm | 12g - 16g | Đương quy | 10g - 12g |
| Liên nhục | 12g - 16g | Khiếm thực | 12g - 16g |
| Thục địa | 12g - 16g  | Kim anh tử | 12g - 16g  |
| Sơn thù | 06g - 08g | Lạc tiên | 12g - 16g  |
| Đan bì | 10g - 12g  | Cam thảo | 06g - 08g  |
| Xuyên khung | 06g - 08g |   |  |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

- Thủy châm: Vitamin nhóm B…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Ế phong, Nội quan, Thần môn, An miên, Thận du, Thái khê, Túc tam lý...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lares nội mạch công suất thấp, Sóng ngắn, Điện xung, Điện phân, Siêu âm điều trị, Paraphin, Hồng ngoại…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2.4. Thể khí huyết đều hư**

**\* Triệu chứng lâm sàng:** Chóng mặt, hoa mắt, sắc mặt nhợt, mũi nhợt, móng chân móng tay nhợt, hồi hộp, mất ngủ, ngại nói, ăn kém, lưỡi nhạt, mạch tế nhược.

**\* Pháp điều trị:** Bổ khí huyết, kiện vận tỳ vị.

**Bài 1:** Quy tỳ thang gia vị

**Bài 2:** Bài đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sài hồ | 12g - 16g | Thục địa | 12g - 16g |
| Câu đằng | 12g - 16g | Kê huyết đằng | 12g - 16g  |
| Hoàng kỳ | 12g - 16g | Bạch thược | 12g - 16g  |
| Đẳng sâm | 12g - 16g | Xuyên khung | 06g - 08g  |
| Bạch truật | 12g - 16g | Đương quy | 10g - 12g |
| Đại táo | 12g - 16g | Cam thảo | 06g - 08g  |
| Long nhãn | 12g - 16g | Viễn trí | 06g - 08g |
| Bạch linh | 12g - 16g  | Đan sâm | 12g – 16g |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Các chế phẩm YHCT: Hoạt huyết dưỡng não, Chè an thần.
* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Nội quan, Thần môn, Tam âm giao, Túc tam lý, Bách hội, Thái dương, Can du, Cách du, Thận du, Tam âm giao, Thái xung...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lares nội mạch công suất thấp, Sóng ngắn, Điện xung, Điện phân, Siêu âm điều trị, Paraphin, Hồng ngoại…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2.5. Thể Can thận âm hư**

**\* Triệu chứng lâm sàng:** Hoa mắt, chóng mặt, ù tai, đau mỏi sau gáy bả vai, (ngoài ra có thể có các triệu chứng khác kèm theo như: đau mạng sườn, lưng gối mềm yếu), họng khô, má đỏ, ra mồ hôi trộm, ngũ tâm phiền nhiệt, di tinh, kinh nguyệt không đều, lưỡi đỏ không rêu, mạch tế sác.

**\* Pháp điều trị:** Tư bổ can thận

**Bài 1:** Lục vị gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cẩu tích | 12g - 16g | Bạch thược | 12g - 16g |
| Cốt toái bổ | 12g - 16g | Xuyên khung | 08g - 10g |
| Thỏ ty tử | 12g - 16g | Đương quy | 10g - 12g |
| Sài hồ | 12g - 16g | Kê huyết đằng | 12g - 16g |
| Hương phụ chế | 12g - 16g | Mạch môn | 10g - 12g |
| Kim anh tử | 10g - 12g | Đại táo | 12g - 16g  |
| Khiếm thực | 10g - 12g | Táo nhân | 12g - 16g  |
| Tang ký sinh | 10g - 12g | Cam thảo | 06g - 8g  |
| Mẫu lệ | 10g - 12g | Lạc tiên | 12g - 16g |

* Sắc ngày 01 thang uống sáng chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Kiên tỉnh, Kiên ngung, Phong trì, Phong môn, Đại trữ, Đại trùy, A thị huyệt, Thái khê, Tam âm giao, Túc tam lý, Huyết hải...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lares nội mạch công suất thấp, Sóng ngắn, Điện xung, Điện phân, Siêu âm điều trị, Paraphin, Hồng ngoại…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**.

**1.** **Triệu chứng lâm sàng**

* Chóng mặt: Loạng choạng đi không vững, có cảm giác bồng bềnh như say sóng, hoa mắt, đôi khi có cảm giác buồn nôn, những triệu chứng này tăng lên khi có biến đổi tư thế đột ngột, cơn chóng mặt càng kéo dài bao nhiêu, càng xuất hiện dồn dập thì bệnh càng nặng.
* Nhức đầu: Là triệu chúng xuất hiện sớm với đặc tính: lan tỏa khắp đầu, tập trung ở vùng trán gáy hoặc cảm giác căng nặng đầu, triệu chứng tăng lên khi bệnh nhân suy nghĩ nhiều, tăng cảm xúc, lao động nhiều. Nếu nhức đầu xảy ra ở người cao tuổi không kèm theo tăng huyết áp có giá trị lớn trong chẩn đoán nhất là khi kèm với triệu chứng chóng mặt.
* Dị cảm: Là cảm giác không bình thường, cảm giác không có thật do người bệnh tự cảm thấy như cảm giác tê bì đầu ngón tay, kiến bò, hoặc cảm giác lan dọc nhiều vùng cơ thể, ù tai, ve kêu bên tai hay cảm giác bốc hỏa, đây là những biều hiện sớm của xơ vữa động mạch não.
* Rối loạn giấc ngủ: Trong xơ vữa động mạch thường bệnh nhân mất ngủ vào nửa đầu của đêm và nửa phần sau, nếu bệnh nhân thức giấc thì rất khó ngủ lại, ban ngày hay ngủ gà và thường giấc ngủ không sâu và hay mê.
* Rối loạn sự chú ý: Khi chuyển sự chú ý từ vật này sang vật khác, hoặc từ vấn đề này sang vấn đề khác thì người bệnh rất hay đãng trí và khả năng tập trung tư tưởng rất kém.
* Rối loạn tri giác: Giảm hoặc tăng cảm giác với những kích thích bên ngoài, ngủ dễ bị ý thức giấc vì kích thích nhỏ.
* Rối loạn trí nhớ: Biểu hiện rất sớm và rất phổ biến biểu hiện thoáng quên, nhớ sự việc trong quá khứ nhưng sắp xếp sự việc không chính xác, tư duy lộn xộn không mạch lạc.
* Tư duy và trí tuệ: Ngại thay đổi thói quen, nếp nghĩ, không muốn tiếp xúc với cái mới, giảm khả năng sáng tạo.
* Rối loạn xúc cảm: Dễ xúc cảm, tình trạng này có quan hệ chặt chẽ với mức độ 02 trong tưới máu não (càng xúc cảm mức độ tưới máu não càng giảm), khả năng tự kìm chế kém dễ bị kích động, phản ứng mạnh với những kích thích vụn vặt.
* Nhân cách và tính tình: Cốt hóa về nhân cách biểu hiện khả năng thích nghi của người bệnh giảm, tính tình biến đổi sang bệnh lý.

**2. Cận lâm sàng có giá trị cho chẩn đoán:**

* Lưu huyết não, Điện não đồ.
* Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng, Chụp động mạch não.
* Chụp Xquang sọ không chuẩn bị.
* Một số các phương pháp khác: XN sinh hóa máu: Cholesterol TP, Triglycerid, HDL-C, LDL-C...

**3. Điều trị nội khoa: Điều trị một trong các nhóm sau:**

* Nhóm chất tổng hợp hữu cơ: Stugeron 25mg...
* Nhóm có nguồn gốc từ thực vật: Cavinton...
* Nhóm chất hỗn hợp: Tanakan, Giloba...
* Nhóm các chất giống sinh học: Duxil 40mg...

# 8. CHẨN TRỊ YÊU THỐNG

# ( ĐAU LƯNG )

# Mã ICD: M54

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**1. Bệnh danh: Yêu thống**

**2. Các thể bệnh và phương pháp điều trị**

**\*Thể bệnh: Đau lưng cấp**

**2.1. Đau lưng thể phong hàn thấp:**

* Triệu chứng: Đau lưng xảy ra đột ngột, sau khi bị lạnh, mưa, ẩm thấp đau nhiều, không cúi được, ho và trở mình cũng đau, thường đau một bên, ấn vào cơ sống lưng đau, mạch trầm huyền.
* Pháp điều trị: Khu phong, tán hàn, trừ thấp, ôn kinh hoạt lạc (hành khí, hoạt huyết).

**Bài 1**: Can khương thương truật thang gia giảm.

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Độc hoạt | 12g - 16g | Sinh địa | 10g - 16g |
| Tang ký sinh | 12g - 16g | Đỗ trọng | 12g - 16g |
| Tần giao | 10g - 16g | Ngưu tất | 12g - 16g |
| Phòng phong | 12g - 16g | Đẳng sâm | 12g - 16g |
| Tế tân | 08g - 10g | Thổ phục linh | 12g - 16g |
| Đương quy | 12g - 16g  | Cam thảo | 06g - 08g |
| Bạch thược | 12g - 16g | Quế chi | 08g - 12g |
| Xuyên khung | 08g - 10g | Nhũ hương | 12g – 16g |
| Một dược | 12g – 16g |  |  |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Các chế phẩm YHCT: Cồn xoa bóp, Didicera, Khung phong hoàn, tuzamine…
* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Tả pháp các huyệt vùng đau (A thị huyệt). Nếu đau từ D12 trở lên châm thì châm thêm 2 huyệt kiên tỉnh. Nếu đau từ thắt lưng trở xuống thì châm thêm huyệt ủy trung, dương lăng tuyền cùng bên đau.
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ…
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Phối kết hợp các thủ thuật: chiếu đèn hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, paraphin, Tập vận động trị liệu…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2.2. Đau lưng do khí trệ, huyết ứ**

* **Triệu chứng:** Sau khi vác nặng lệch người hoặc sau một động tác thay đổi tư thế đột nhiên bị đau một bên sống lưng, đau dữ dội ở một chỗ, vận động hạn chế nhiều khi không cúi, đi lại được, cơ co cứng.
* **Phương pháp chữa:** Hành khí hoạt huyết, thư cân hoạt lạc

**Bài 1**: Huyết phủ trục ứ thang gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đào nhân | 10g - 12g | Địa long | 10g - 16g |
| Hồng hoa | 10g - 12g | Tần giao | 10g - 16g |
| Đương quy | 12g - 16g | Độc hoạt | 12g - 16g |
| Cam thảo | 06g - 08g | Một dược | 08g - 16g |
| Xuyên khung | 08g - 12g | Trần bì | 06g - 10g |
| Ngưu tất | 12g - 16g | Đỗ trọng | 12g - 16g |
| Hương phụ | 12g - 16g | Tục đoạn | 12g - 16g |
| Bạch thược | 12g – 16g | Cốt toái bổ | 12g – 16g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Thận du, đại trường du, bộ bát liêu, dương quan, mệnh môn, A thị huyệt, Huyết hải, ủy trung…
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt vùng thắt lưng.
* Phối kết hợp các thủ thuật khác: Chiếu đèn hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, Paraphin, Tập vận động trị liệu…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2.3. Đau lưng thể thấp nhiệt:**

* Triệu chứng: Đau buốt vùng thắt lưng, cảm giác nóng , nước tiểu vàng rắt, rêu lưỡi vàng. Mạch hoạt sác.
* Phương pháp chữa: thanh nhiệt lợi thấp.

**Bài 1**: Nhị diệu tán gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thương truậtHoàng báTri mẫuKim ngân hoaQuế chiHy thiêmThổ phụcNgưu tất | 10g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g08g – 12g12g – 16g12g – 16g12g – 16 g | Phòng phongBạch thượcLiên kiềuThạch hộcĐan sâmSinh địaKê huyết đằngCam thảo | 12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g10g – 12g12g – 16g06g – 08g  |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Tả pháp huyệt: thận du , đại trường du , bộ bát liêu, dương quan , mệnh môn, A thị huyệt, Huyết hải, ủy trung...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ…Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt vùng thắt lưng.
* Phối kết hợp các thủ thuật khác: Chiếu đèn hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, paraphin, Tập vận động trị liệu… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Thể bệnh đau lưng mạn:** Thường do thận hư

* Triệu chứng: Thắt lưng đau ê ẩm, chân yếu, lúc mệt đau tăng, nằm thì giảm.
* Nếu thận dương hư là chính, có thêm chân tay lạnh, mặt sắc trắng, lưỡi nhạt, mạch trầm tế.
* Nếu thận âm hư là chính, có thêm tâm phiền mất ngủ, miệng họng khô, má hồng, lòng bàn chân tay nóng, lưỡi đỏ, mạch tế sác.
* **Phương pháp điều trị:**

**2.4. Thể thận dương hư:**

Pháp điều trị: ôn bổ thận dương.

**Bài 1**: Bát vị hoàn gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thục địa | 12g – 16g | Thỏ ty tử |  12g – 16g |
| Hoài sơn | 12g – 16g | Phụ tử |  06g – 08g |
| Sơn thù | 06g – 08g | Nhục quế |  06g – 08g |
| Kỷ tử | 12g – 16g | Đương quy |  12g – 16g |
| Đỗ trọngCẩu tíchNgưu tất | 12g – 16g12g – 16g12g– 16g  | Ba kíchNhục thung dungLong nhãn |  12g – 16g 12g – 16g 12g – 16g |
| Cốt toái bổ | 12g – 16g | Trần bì |  06g – 08g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Bổ pháp huyệt Thận du, đại trường, chí thất, mệnh môn, bát liêu, ủy trung, A thị huyệt...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt vùng thắt lưng.
* Phối kết hợp các thủ thuật khác: Chiếu đèn hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, paraphin, Tập vận động trị liệu… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2.5. Thể thận âm hư**

Pháp điều trị: Tư bổ thận âm.

**Bài 1:** Lục vị hoàn gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thục địa | 12g – 16g | Ngưu tất | 12g – 16g |
| Hoài sơn | 12g – 16g | Thạch hộc | 12g – 16g |
| Sơn thù | 06g – 08g | Đương quy | 12g – 16g |
| Kỷ tử | 12g – 16g | Đỗ trọng | 12g – 16g |
| Thỏ ty tử | 12g – 16g | Mạch môn | 10g – 16g |
| Tục đoạn | 12g – 16g | Bạch thược | 12g – 16g |
| Hoài sơn | 12g – 16g | Táo nhân | 12g – 16g |
| Trần bì | 06g – 08g | Cẩu tích | 12g – 16g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Bổ pháp huyệt Thận du, đại trường, chí thất, mệnh môn, bát liêu, ủy trung, A thị huyệt...
* Mãng châm, Laser châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt vùng thắt lưng.
* Phối kết hợp các thủ thuật khác: Chiếu đèn hồng ngoại, lazes nội mạch, điện xung, sóng ngắn, điện phân, siêu âm điều trị, kéo giãn cột sống thắt lưng, paraphin, Tập vận động trị liệu… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**

**1. Triệu chứng**:

**\* Cơ năng:** Triệu chứng đau: Đau có thể một hoặc hai bên cột sống. Tính chất đau âm ỉ hay đau nhức, đau mỏi, đau từng cơn, đau tăng khi vận động

**\* Thực thể:**

* Sự thay đổi hình thái cột sống: Mất đường cong sinh lý trở nên thẳng đờ, gù vẹo, quá ưỡn ra trước.
* Khám các động tác vận động: Các nghiệm pháp Neri (+), Ngón tay chỉ đất

**\* Cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán:**

* Chụp XQ tư thế thẳng, nghiêng, chếch.
* Chụp cắt lớp vi tính:
* Các xét nghiệm: Công thức máu, tốc độ máu lắng…

**2. Điều trị**

**\* Điều trị nội khoa**

* Thuốc giảm đau: Aspirin, paracetamol…
* Nhóm thuốc Nosteroid: Meloxicam, Diclophenac…
* Nhóm costicoit: Solumedrol, prednisolon…
* Thuốc giãn cơ: Diazepam, mydocalm, myonal, Baclofen… khi có co cơ.

**\* Điều trị ngoại khoa**: Có chỉ định phẫu thuật khi XQ có hình ảnh thoát vị, thực thể có teo cơ và lạnh chi.

# 9. CHẨN TRỊ CHỨNG TÝ

# ( VIÊM KHỚP DẠNG THẤP )

# Mã ICD: M06

## I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

### 1. Bệnh danh: Chứng tý

### 2. Các thể bệnh và điều trị

### 2.1. Thể Phong thấp nhiệt tý: (Viêm khớp dạng thấp có đợt tiến triển cấp tính)

### - Triệu chứng: Các khớp sưng nóng đỏ đau, có tính chất đối xứng, cứng khớp về buổi sáng, đau cự án, đau nhiều về đêm, sốt, ra mồ hôi, sợ gió, nước tiểu vàng, rêu lưỡi vàng mỏng, chất lưỡi vàng mỏng, mạch hoạt sác.

**- Pháp điều trị**: Thanh nhiệt khu phong, hóa thấp.

**Bài 1**: Quế chi thược dược tri mẫu thang gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

Quế chi 08g – 10g

Thương truật 10g – 12g

Hoàng bá 12g– 16g

Kim ngân hoa 12g – 16g

Thổ phục linh 12g – 16g

Hy thiêm 12g – 16g

Ngưu tất 12g – 16g

Phòng phong 12g – 16g

Nhũ hương 12g – 16g

Một dược 12g – 16g

Thạch hộc 12g – 16g

Sinh địa 12g – 16g

Xích thược 12g – 16g

Ý dĩ 12g – 16g

Tỳ giải 12g – 16g

Cam thảo 06g – 08g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

+ Điện châm:

* Huyệt toàn thân: Túc tam lý, Quan nguyên, Thận du, Huyết hải...
* Tại chỗ: Tuỳ theo vị trí bị bệnh mà chọn thêm các huyệt:
* Khớp vai: Kiên tỉnh, Kiên ngung, Kiên trinh, Trung phủ...
* Khớp cổ tay, bàn tay: Ngoại quan, Hợp cốc, Lao cung, Bát tà, Dương trì, Hậu khê...
* Khớp háng: Trật biên, Hoàn khiêu, Thứ liêu, Giáp tích L2-S1...
* Khớp gối: Độc tỵ, Tất nhãn, Huyết hải, Uỷ trung, Dương lăng tuyền...
* Khớp bàn chân, cổ chân: Giải khê, Thái khê, Côn lôn, Bát phong...

+ Mãng châm, Cấy chỉ, Laser châm: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.

+ Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể

+ Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh...Theo chỉ định của Bác sỹ.

+ Vật lý trị liệu phục hồi chức năng: Bó paraphin, Chiếu đèn hồng ngoại, Siêu âm điều trị, Điện xung, Sóng ngắn, Laser nội mạch, Tập xe đạp, Thủy trị liệu, Điện phân thuốc, Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu...Theo chỉ định của bác sỹ.

**2.2. Thể phong hàn thấp tý** (Viêm khớp dạng thấp đợt mạn tính).

- **Triệu chứng:** Các khớp còn sưng đau, nhưng hết đỏ, hết sốt. Các khớp dính, cứng khớp hoặc biến dạng, teo cơ.

**- Pháp điều trị**: Khu phong, trừ thấp, tán hàn, Bổ can thận

**Bài 1**: Độc hoạt tang ký sinh thang gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Độc hoạt | 12g - 16g | Thục địa | 12g - 16g |
| Ngưu tất | 12g - 16g | Tần giao | 08g - 12g |
| Phòng phong | 12g - 16g | Bạch thược | 12g - 16g |
| Đỗ trọng | 12g - 16g | Đương quy | 10g - 16g |
| Ý dĩ | 12g - 16g  | Cam thảo | 06g - 08g |
| Quế chi | 08g - 10g  | Đảng sâm | 12g - 16g  |
| Tế tân | 06g - 08g | Kê huyết đằng | 12g - 16g |
| Hoàng kỳ | 12g - 16g | Tỳ giải | 12g - 16g |
| Tục đoạn | 12g - 16g | Thổ phục linh | 12g - 16g |
| Ngũ gia bì | 12g - 16g |  |  |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Trên lâm sàng, nếu triệu chứng bệnh lý khớp thiên về Phong, về Hàn hay về Thấp mà có cách dùng thuốc khác nhau.
* Chế phẩm: Khung phong hoàn, Didicera, tuzamine, chè an thần...
* Thuốc dùng ngoài: Cồn xoa bóp xoa vùng đau 2-3 lần/24h.
* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

**+** Điện châm**:**

* Huyệt toàn thân: Túc tam lý, Quan nguyên, Thận du, Huyết hải...
* Tại chỗ: Tuỳ theo vị trí bị bệnh mà chọn thêm các huyệt:
* Khớp vai: Kiên tỉnh, Kiên ngung, Kiên trinh, Trung phủ...
* Khớp cổ tay, bàn tay: Ngoại quan, Hợp cốc, Lao cung, Bát tà, Dương trì, Hậu khê...
* Khớp háng: Trật biên, Hoàn khiêu, Thứ liêu, Giáp tích L2-S1...
* Khớp gối: Độc tỵ, Tất nhãn, Huyết hải, Uỷ trung, Dương lăng tuyền...
* Khớp bàn chân, cổ chân: Giải khê, Thái khê, Côn lôn, Bát phong...

+ Mãng châm, Cấy chỉ, Laser châm, Cứu ngải…Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.

+ Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.

+ Xoa bóp bấm huyệt, Ngâm thuốc YHCT, Xông thuốc YHCT, Dưỡng sinh...Theo chỉ định của Bác sỹ.

+ Vật lý trị liệu phục hồi chức năng:, Bó paraphin, Chiếu đèn hồng ngoại, Siêu âm điều trị, Điện xung, Sóng ngắn, Laser nội mạch, Tập xe đạp, Điện phân thuốc, Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu...Theo chỉ định của bác sỹ

## II. Y HỌC HIỆN ĐẠI

**1.** **Triệu chứng lâm sàng:** Sưng đau nóng đỏ các khớp nhỏ, nhỡ. Trong đó có khớp cổ tay, bàn ngón tay và ngón gần, có tính chất đối xứng. Có dấu hiệu cứng khớp buổi sáng có thể kéo dài một đến vài giờ.

Cận lâm sàng: XN CTM, VSS, Chụp XQ bàn ngón tay.

**2. Điều trị:**

* Thuốc giảm đau: Aspirin, Paracetamol…
* Nhóm thuốc Nosteroid: Meloxicam, Diclophenac…
* Nhóm costicoit: Solumedrol, Prednisolon…
* Thuốc chống thấp khớp tác dụng chậm DMARDs:
* Trường hợp phải điều trị ngoại khoa thì chuyển tuyến.

# 10. CHẨN TRỊ CHỨNG TÝ

# (BỆNH MỘT DÂY THẦN KINH CHI TRÊN, HỘI CHỨNG CÁNH TAY CỔ,

# ĐAU VÙNG CỔ GÁY)

# Mã ICD: G56, M54.2, M53.1

## I. Y HỌC CỔ TRUYỀN

### 1. Bệnh danh: Chứng tý.

### 2. Các thể bệnh và điều trị

### 2.1. Thể phong hàn thấp

* **Triệu chứng**: Đau mỏi vai gáy  lan lên phần chẩm rồi chạy xuống vai và cánh tay, tê một vùng ở cánh tay, cẳng tay, bàn ngón tay. Đau tăng lên khi trời lạnh , đau nhiều vào ban đêm khi nhiệt độ môi trường giảm. Đau có tính cơ học, tăng khi thay đổi tư thê, vận động mạnh, vận động kéo dài và chỉ giảm khi nghỉ ngơi, kéo giản cột sống cổ. Sợ gió lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù.

**- Pháp điều trị:** Khu phong tán hàn thông kinh hoạt lạc (hoạt huyết, hành khí).

**Bài 1:** Quyên tý thang gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khương hoạtPhòng phongThương truậtXích thượcKhương hoàngHoàng kỳUy linh tiênCam thảo Quế chi | 12g – 16g 12g – 16g12g – 16g 12g - 16g12g – 16g 12g – 16g12g – 16g 06g – 08g08g – 10g | Xuyên khungBạch chỉKê huyết đằngĐương quyHà thủ ôTần giaoĐan sâmTang ký sinh | 08g – 12g08g – 10g 12g – 16g12g – 16g12g – 16g10g - 16g 12g – 16g12g – 16g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

+ Chế phẩm: Chè an thần, Hoàn phong thấp, Cồn xoa bóp.

+ Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

+ Điện châm: A thị huyệt, phong trì, giáp tích C4,5,6, Đại chùy, Đại trữ, Thiên tông, Thiên trụ,  Kiên ngung, Tý nhu,  Khúc trì, Thủ tam lý, Ngoại quan, Hợp cốc,  Can du,  Thận du , Dương lăng tuyền, Huyền chung…

+ Mãng châm, cấy chỉ, cứu ngải, giác hơi... các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.

+ Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể

+  Xoa bóp, bấm huyệt, Dưỡng sinh...Theo chỉ định của Bác sỹ.

+ Vật lý trị liệu phục hồi chức năng: Chiếu đèn hồng ngoại, Điện xung, Sóng ngắn, Laser châm, Laser nội mạch công suất thấp, Siêu âm điều trị, Tập vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Điện phân, Paraphin... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2.2. Thể can thận hư:**

**-** Triệu chứng: Bệnh nhân đau vùng cổ vai cánh tay, có thể là từ cổ lan xuống cánh tay hoặc chỉ đau vùng cánh tay. Tùy từng vị trí tổn thương mà bệnh nhân có thể không sấp, ngửa được bàn tay, các ngón co quắp, không gấp được, teo cơ. Đau âm ỉ hoặc đau dữ dội, đau tăng lên khi thời tiết thay đổi, làm việc mỏi thì đau tăng.

**- Pháp điều trị**: Bổ can thận, khu phong trừ thấp, thông kinh hoạt lạc

**Bài 1:** Tam tý thang gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ba kích | 12g – 16g | Tang ký sinh | 12g – 16g |
| Ngưu tất | 12g – 16g | Hà thủ ô | 12g – 16g |
| Cốt toái | 12g – 16g | Tục đoạn | 12g – 16g |
| Phòng phong | 12g – 16g | Đan sâm | 12g – 16g |
| Cam thảo | 06g – 08g | Khương hoạt | 12g – 16g |
| Đương quy | 12g – 16g | Khương hoàng | 12g – 16g |
| Xích thược | 12g – 16g | Hoàng kỳ | 12g – 16g  |
| Bạch linh | 12g – 16g | Đại táo | 12g – 16g |
| Tần giao | 10g – 16g | Huyết đằng | 12g - 16g  |
| Táo nhân | 12g – 16g |  |  |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.
* *(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*
* Chế phẩm: Hoàn phong thấp, Chè an thần...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: A thị huyệt, phong trì, giáp tích C4,5,6, Đại chùy, Đại trữ, Thiên tông, Thiên trụ, Kiên ngung, Tý nhu, Khúc trì, Thủ tam lý, Ngoại quan, hợp cốc, Can du,  Thận du , Dương lăng tuyền, Huyền chung…
* Mãng châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi... Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp, bấm huyệt, Dưỡng sinh... Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Vật lý trị liệu phục hồi chức năng: Chiếu đèn hồng ngoại, Điện xung, Sóng ngắn, Laser châm, Laser nội mạch công suất thấp, Siêu âm điều trị, Tập vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Điện phân, Paraphin... Theo chỉ định của Bác sỹ.

### 2.3. Thể huyết ứ

**- Triệu chứng**: Tìm hiểu nguyên nhân gây sang chấn, thương tích...

**- Pháp điều trị**: Khứ ứ hoạt huyết, hành khí.

**Bài 1:** Huyết phủ trục ứ thang gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đan sâmXuyên khungĐương quyXích thượcNgưu tấtThục địaHương phụKê huyết đằngUất kimTrần bìKhương hoạt | 12g– 16g08g – 12g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g08g – 10g12g – 16g | Chỉ xácĐại táoCam thảoĐẳng sâmBạch linhBạch truậtTáo nhânNhũ hươngMột dượcHoàng kỳ | 08g – 12g12g – 16g06g – 08g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Chế phẩm: Hoàn phong thấp, Didicera, Tuzamin, Chè an thần...
* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: A thị huyệt, phong trì, giáp tích C4,5,6, Đại chùy, Đại trữ, Thiên tông, Thiên trụ,  Kiên ngung, Tý nhu,  Khúc trì, Thủ tam lý, Ngoại quan, hợp cốc...

Toàn thân: Hợp cốc, Lạc chẩm. Châm bổ: Can du, Thận du, Dương lăng tuyền, Huyền chung…Châm tả lưu kim 20 phút.

* Mãng châm, Cấy chỉ, Cứu ngải, Giác hơi...Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp, bấm huyệt, Dưỡng sinh... Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Vật lý trị liệu phục hồi chức năng: Chiếu đèn hồng ngoại, Điện xung, Sóng ngắn, Laser châm, Laser nội mạch công suất thấp, Siêu âm điều trị, Tập vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Điện phân, Paraphin... Theo chỉ định của Bác sỹ.

## II. Y HỌC HIỆN ĐẠI

### 1. Triệu chứng:

* Cơ năng: Tập hợp nhiều biểu hiện ở từng vị trí tổn thương khác nhau như:
* Đau cổ gáy hay vẹo cổ cấp, xuất hiện sau một đêm ngủ dậy do gối đầu lệch hoặc sau lao động nặng, mệt mỏi, căng thẳng, lạnh...,
* Đau vùng chẩm gáy, kèm theo nói khó và tức ngực, nấc, khó thở (Rễ C3- C4).
* Đau mặt ngoài cánh tay đến cẳng tay( Rễ C5) đau mặt trước cánh tay đến ngón ngón cái, ngón trỏ ( Rễ C6), đau mặt sau cánh tay đến ngón giữa (Rễ C7). Đau mặt trong cánh tay đến ngón nhẫn và út (Rễ C8). Đau ở vùng bàn tay, các ngón tay, da bàn tay.
* Hội chứng chèn ép tủy cổ mức độ nhẹ: Biểu hiện rối loạn vận động làm mất tính khéo léo của bàn tay trong các động tác như viết, cài cúc áo, đánh mày vi tính; hai chân cảm giác căng cứng, đi lại khó khăn; có thể thấy tăng nhẹ các phản xạ gân xương.
* Chèn ép tuỷ mức độ nặng: Tay chân còn vận động được nhưng đi lại rất khó hoặc không đi lại được, mất khả năng tự phục vụ cá nhân. Mức độ rất nặng gây liệt hoàn toàn tứ chi.

### 2. Điều trị:

* Thuốc giảm đau thông thường: Paracetamol, Aspirin...
* Thuốc giảm đau dạng phối hợp: Paracetamol kết hợp với một opiad nhẹ như: Codein hoặc Tramadol: 2-4 viên/24h.
* Thuốc giảm đau thần kinh như: Neurotin 300mg...
* Thuốc tăng dẫn truyền thần kinh: Nivalin 2,5mg ( ống hoặc viên)...
* Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID): Meloxicam, Diclophenac…
* Thuốc giãn cơ: mydocalm, myonal, Baclofen…
* Thuốc Corticosteroid, Thuốc Vitamin nhóm B...

# 11. CHẨN TRỊ HƯ LAO

# ( SUY MÒN, SUY YẾU TUỔI GIÀ, KHÓ Ở VÀ MỆT MỎI )

Mã ICD: R53

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN (HƯ LAO)**

**1. Bệnh danh: Hư lao**

**2. Các thể bệnh và phương pháp điều trị**

**2.1. Khí hư:** chủ yếu ở hai tạng phế và tỳ

**\*Phế khí hư:** hay gặp ở những người suy hô hấp do viêm phế quản mạn, tâm phế mạn, giãn phế quản, giãn phế nang....

**- Triệu chứng**: ho không có sức, thở ngắn, thở gấp, tiếng nói nhỏ, người mệt vô lực, tự ra mồ hôi, sắc mặt trắng bệch, chất lưỡi nhạt, mạch hư nhược. Có lúc sợ lạnh, gai rét, dễ bị cảm mạo.

**- Pháp điều trị:** bổ phế khí. Nếu dễ bị cảm mạo thì ôn khí cố biểu.

**Bài 1:** Bổ phế thang gia

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |
| --- | --- |
| Đẳng sâm 16g - 20g | Hương phụ chế 10g - 12g |
| Hoàng kỳ 12g - 16g | Táo nhân 12g - 16g |
| Thục địa 12g - 16g  | Cam thảo 06g - 08g |
| Ngũ vị tử 10g - 12g | Đại táo 12g - 16g |
| Kỷ tử 08g - 12g | Tang bạch bì 12g – 16g |
| Sa sâm 12g - 16g | Bạch truật 12g – 16g |
| Liên nhục 12g - 16g | Bạch linh 12g - 16g |
| Quế nhục 06g - 08g |  |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Huyệt Phế du, cao hoang, túc tam lý, chiên trung..
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể theo chỉ định của Bác sỹ.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh…Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

**\* Tỳ khí hư:** Hay gặp ở những người mệt mỏi sau lao động nặng, người rối loạn tiêu hoá, ỉa chảy mạn do viêm đại tràng, đau dạ dày, sau khi ốm nặng...

**- Triệu chứng**: Chán ăn, ăn kém, chậm tiêu, đầy bụng, ỉa lỏng, người mệt, sút cân, cơ nhẽo, chất lưỡi nhạt bệu, rêu trắng, mạch hư (nhu hoãn)

**- Phương pháp chữa**: Kiện tỳ ích khí.

**Bài 1: Bài tứ quân tử thang gia giảm**

**Bài 2: Đối pháp lập phương**

 Đẳng sâm 16g - 20g

 Bạch truật 12g - 16g

 Hoài sơn 16g - 20g

 Bạch linh 08g - 12g

 Cam thảo 04g - 06g

 Đương quy 12g - 16g

 Thăng ma 12g - 16g

 Sài hồ 12g - 16g

Hoàng kỳ 12g - 16g

Ý dĩ 12g - 16g

Sa nhân 06g - 08g

Trần bì 06g - 08g

Cát cánh 08g - 12g

Bạch biển đậu 12g - 16g

Liên nhục 12g - 16g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Túc tam lí, Thái bạch, Tỳ du, Quan nguyên, Tam âm giao.
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh… Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

**\* Tỳ phế đều hư:** Hay gặp ở những người có bệnh mạn tính ở phổi và ở đường tiêu hóa.

**- Triệu chứng:** Ho lâu ngày, đờm nhiều loãng, chướng bụng, ỉa lỏng, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi bệu nhạt, mạch hư tế.

**- Pháp điều trị:** Kiện tỳ bổ phế.

**Bài 1:** Sâm linh bạch truật tán gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

 Hoài sơn 12g - 16g

 Bạch linh 10g - 12g

 Bạch truật 12g - 16g

 Cam thảo 06g - 08g

 Đẳng sâm 12g - 16g

 Bạch thược 12g - 16g

 Đương quy 12g - 16g

 Thần khúc 08g – 12g

Can khương 04g - 08g

Bạch biển đậu 12g - 16g

Quế chi 04g - 08g

Bạch chỉ 08g - 12g

Mạch môn 12g - 16g

Sài hồ 08g - 16g

Cát cánh 08g - 12g

Đại táo 12g - 16g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Túc tam lí, thái bạch, tỳ du, Phế du, Quan nguyên, tam âm giao...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh… theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

**2.2. Huyết hư**: Chủ yếu ở hai tạng tâm và can.

 **\*Tâm huyết hư**: Hay gặp ở người thiếu máu, phụ nữ sau đẻ...

**- Triệu chứng**: Hồi hộp, mất ngủ, đánh trống ngực, hay quên, chóng mặt, hoa mắt, sắc mặt vàng nhạt, môi nhạt, lưỡi nhạt, mạch tế nhược.

**- Phương pháp chữa**: Dưỡng huyết an thần.

**Bài 1:** Quy tỳ thang gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

Kỷ tử 12g - 16g

Hà thủ ô 12g - 16g

Long nhãn 12g - 16g

Thục địa 12g - 16g

Đương quy 08g - 12g

Bạch thược 12g - 16g

Xuyên khung 08g - 12g

Đẳng sâm 12g - 16g

Bạch linh 08g - 12g

Mộc hương 06g - 08g

Mạch môn 12g - 16g

Phục thần 08g- 12g

Viễn chí 06g - 10g

Táo nhân 08g - 12g

Bá tử nhân 12g - 16g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Cao hoang, cách du, tâm du. Châm bổ các huyệt: Nội quan, thần môn, tam âm giao...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể theo chỉ định của Bác sỹ.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh… Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

 ***\** Can huyết hư:** Hay gặp ở người già xơ cứng động mạch, cao huyết áp, lão suy, phụ nữ khi đẻ, tiền mãn kinh, các bệnh phụ khoa (kinh ít bế kinh).

**- Triệu chứng**: Chóng mặt, hoa mắt, nhức đầu, ù tai, phụ nữ kinh ít, bế kinh, mạch huyền tế sác.

**- Pháp điều trị**: Bổ huyết dưỡng can.

**Bài 1**: Bài Nhân sâm dưỡng vinh thang

**Bài 2:** Đối phương lập phương**:**

Thục địa 16g - 20g

Đương quy 12g - 16g

 Bạch thược 12g - 16g

Xuyên khung 08g - 12g

Hương phụ 08g - 12g

Kê huyêt đằng 16g - 20g

Long nhãn 12g – 16g

Đẳng sâm 12g – 16g

Đan sâm 12g – 16g

Liên nhục 12g – 16g

Bạch truật 12g – 16g

Khương hoàng 12g – 16g

Cam thảo 06g – 08g

Đại táo 12g – 16g

Bình vôi 12g – 16g

Thổ phục 12g – 16g

Phục thần 12g – 16g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Can du, cách du, tỳ du, tâm du, thận du, huyết hải, túc tam lý, tam âm giao.
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể theo chỉ định của Bác sỹ.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh…Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

 2**.3. Dương hư:** gặp ở hai tạng tỳ và thận:

**\* Tỳ dương hư**: Gặp ở người rối loạn tiêu hoá, viêm đại tràng mạn, loét dạ dày, ỉa chảy mạn tính.

- **Triệu chứng**: Trời lạnh đau bụng, đầy bụng, chườm nóng đỡ đau, ỉa lỏng, người lạnh, chân tay lạnh: lưỡi nhạt, rêu trắng, ăn kém, mạch trầm trì.

**- Phương pháp chữa**: Ôn trung kiện tỳ

**Bài 1: Lý trung thang gia**

**Bài 2: Đối pháp lập phương**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoài sơn | 12g - 16g | Phụ tử chế | 04g - 08g |
| Sa nhân | 08g - 12g | Ngũ vị tử | 08g - 12g |
| Mạch nha | 08g - 12g | Cam thảo | 06g - 08g |
| Đẳng sâm | 12g - 16g | Đại táo | 12g - 16g |
| Can khương | 04g - 08g | Trần bì | 06g - 08g |
| Bạch truật | 12g - 16g | Bán hạ chế | 06g - 08g |
| Hoàng kỳ | 12g - 16g | Liên nhục | 12g - 16g |
| Bạch linh | 12g – 16g | Bạch biển đậu | 12g – 16g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: tỳ du, thận du, túc tam lý, công tôn, tam âm giao, quan nguyên, khí hải.
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh…Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…..

**\*Thận dương hư**: Gặp ở người già lão suy, ỉa chảy mạn tính, suy nhược thần kinh thể hưng phấn giảm.

- **Triệu chứng:** Sợ lạnh, chân tay lạnh, di tinh, đau lưng, tiểu tiện nhiều lần, răng lung lay, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhạt, ỉa lỏng về buỏi sáng(ngũ canh tả), mạch trầm trì nhược.

**- Pháp điều trị**: Ôn bổ thận dương (mệnh môn).

**Bài 1:** Thận khí hoàn gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

Thục địa 16g - 20g

Sơn thù 06g - 08g

Hoài sơn 12g - 16g

Đỗ trọng B 12g - 16g

Kỷ tử 10g - 16g

Ba kích 12g - 16g

Kim anh tử 12g - 16g

Khiếm thực 12g - 16g

Nhục quế 10g - 12g

Phụ tử chế 08g - 10g

Hà thủ ô 12g - 16g

Đương quy 08g - 12g

Nhục thung dung 12g – 16g

Trần bì 06g – 08g

Ngưu tất 12g – 16g

Bạch thược 12g – 16g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-25 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B…Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Quan nguyên, khí hải, mệnh môn, Thái khê, túc tam lý...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh… theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

**2.4. Âm hư:** gồm phế âm hư, tâm âm hư, tỳ âm hư, can âm hư và thận âm hư.

**\*Phế âm hư**: Gặp ở các người suy nhược do lao, viêm phế quản mạn tính, viêm họng mạn tính.

**- Triệu chứng**: Họng khô, ho khan, đờm ít, ho ra máu, người gầy, chất lưỡi đổ, ra mồ hôi trộm, mạch tế sác.

**- Pháp điều trị**: Tư âm dưỡng phế, dưỡng âm bổ phế.

**Bài 1:** Bát tiên hoàn gia

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sa sâm | 12g – 16g | Trần bì | 08g – 10g  |
| Hoài sơn | 12g – 16g | Cát cánh | 12g – 16g |
| Mạch môn | 12g – 16g | Bối mẫu | 12g – 16g |
| Thiên môn | 12g – 16g | Bách hợp | 12g – 16g |
| Thục địa | 12g – 16g | Ngũ vị tử | 12g – 16g |
| Bạch thược | 12g – 16g | Cam thảo | 06g – 08g |
| Đương quy | 12g – 16g | Liên tâm | 12g – 16g |
| Đẳng sâm | 12g – 16g  | Huyền sâm | 12g – 16g |
| Đại táo  | 12g – 16g |  |  |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-30 ngày

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B...Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: phế du, thái khuyên, thái uyên, xích trạch, thận du, liêm tuyền...
* Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Lares nội mạch công suất thấp...

**\* Tâm âm hư:** gặp ở người thiếu máu, phụ nữ đẻ mất máu.

**- Triệu chứng**: hồi hộp, vật vã, ngủ ít, hay quên,sốt hâm hấp, ra mồ hôi trộm, lòng bàn tay bàn chân nóng, miệng khô, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch tế sác.

**- Phương pháp chữa**: tư dưỡng âm tâm, an thần định chí.

**Bài 1**: Thiên vương bổ tâm đan

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sa sâm | 12g - 16g | Táo nhân | 08g - 12g |
| Mạch môn | 12g - 16g | Tâm sen | 08g - 12g |
| Kỷ tử | 12g - 16g | Bá tử nhân | 08g - 12g |
| Long nhãnĐương quy | 12g - 16g12g - 16g | Cát cánhBạch truật | 08g - 12g12g – 16g |
| Đẳng sâm | 16g - 20g | Phục linh | 12g - 16g |
| Huyền sâm | 12g - 16g | Ngũ vị tử | 08g - 12g |
| Đan sâm  | 08g - 12g | Viễn chí | 06g - 08g |

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-30 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B… Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Tâm du,thần môn,nội quan,thiếu hải...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh… theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

\* Vị âm hư: Hay gặp ở những người sau khi mắc các bệnh truyền nhiễm,nhiễm trùng sốt cao

- Triệu chứng: Miệng họng khô nhất là sau khi ngủ dậy, không muốn ăn, trằn trọc, sốt nhẹ, lưỡi đỏ ít rêu, táo bón, mạch tế.

- Phương pháp chữa: Tư dưỡng vị âm (dưỡng âm hòa vị).

**Bài 1:** Ích vị thang gia giảm

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

Sa sâm 16 - 20g

Mạch môn 12 - 16g

Thạch hộc 12 - 16g

Sinh địa 12 - 16g

Bạch truật 12 - 16g

Ma hoàng 04 - 06g

Đẳng sâm 12 – 16g

Ngũ vị tử 12 – 16g

Sài hồ 12 – 16g

Bạch linh 12 - 16g

Bạch truật 10 – 16g

Bạch thược 12 – 16g

Chỉ xác 08 – 12g

Hoàng cầm 08 – 12g

Cát căn 12 – 16g

* Sắc ngày một thang uống sáng - chiều
* Liệu trình 20-30 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Túc tam lý, Tỳ du, Thận du, Tam âm giao, Vị du, thái khê…
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh… theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

**\* Can âm hư**: Gặp ở phụ nữ tiền mãn kinh, cao huyết áp, xơ cứng động mạch ở người già, suy nhược thần kinh.

**- Triệu chứng**; Dễ cáu gắt, nhức đầu, hoa mắt, chóng mặt, lưỡi khô, mạch huyền tế sác

**- Pháp điều trị**: Bổ can âm

|  |  |
| --- | --- |
|  Kỷ tử 12g - 16g Hà thủ ô 12g - 16g Thục địa 12g - 16g Sa sâm 12g - 16g Bạch thược 12g - 16g Xuyên khung 08g - 12g Mạch môn 12g - 16g Cúc hoa 08g - 10g | Táo nhân 12g - 16gLong nhãn 12g - 16gCam thảo 06g - 08gSài hồ 12g - 16gHoàng cầm 08g - 12gPhục thần 12g - 16g Đương quy 12g - 16g  |

- Sắc ngày 01 thang uống sáng-chiều

 Liệu trình 20-30 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: VTM nhóm B... Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Thái xung, Can du, Đởm du, Thái khê, Khâu khư…
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh...Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

 **\* Thận âm hư:** Hay gặp ở những người bị bệnh suy nhược thần kinh, cao huyết áp, xơ cứng động mạch, rối loạn chất tạo keo, thời kỳ phục hồi của các bệnh truyền nhiễm, nhiễm trùng…

**- Triệu chứng:** Hoa mắt, chóng mặt, ù tai, răng lung lay, miệng khô, lòng bàn tay chân nóng, ra mồ hôi trộm, nhức trong xương, di tinh, đau lưng, chất lưỡi đỏ, mạch tế sác.

**- Pháp điều trị**: Bổ thận âm.

**Bài 1:** Lục vị hoàn gia giảm

**Bài 2**: Đối pháp lập phương.

 Thục địa 12g - 16g

 Mạch môn 12g - 16g

 Kỷ tử 12g - 16g

 Hoài sơn 12g -16g

 Ngưu tất 12g - 16g

 Thạch hộc 12g - 16g

 Bạch linh 08g - 12g

 Hoàng bá 08g - 12g

 Mẫu lệ 16g - 20g

 Đẳng sâm 12g - 16g

 Sơn thù 06g – 08g

 Bạch thược 12g – 16g

 Ngũ vị tử 10g – 16g

 Táo nhân 12g – 16g

 Đương quy 12g – 16g

* Sắc ngày 01 thang uống sáng-chiều
* Liệu trình 20-30 ngày.

*(Gia, giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị).*

* Thủy châm: Vitamin nhóm B.. Theo chỉ định của Bác sỹ.

**Các phương pháp không dùng thuốc:**

* Điện châm: Thận du, Can du, Tam âm giao, Quan nguyên, Nội quan, Thần môn...
* Mãng châm, Laser châm, Cứu ngải, Cấy chỉ, Giác hơi: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.
* Nhĩ châm: Chỉ định các huyệt tương ứng vùng bị bệnh trên cơ thể.
* Xoa bóp bấm huyệt, Dưỡng sinh…Theo chỉ định của Bác sỹ.
* Larer nội mạch công suất thấp…

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**

**1. Triệu chứng**

Các triệu chứng hay gặp nhất là rối loạn giấc ngủ, khó ngủ, ngủ chập chờn,đôi khi có ác mộng. Có hiện tượng mỏi cơ, đau nhức cơ, chuột rút, đau lưng. Mệt mỏi khi vận động. Thường thấy ù tai, hoa mắt, chóng mặt, nhức đầu, sợ ánh sáng. Ngoài ra còn có các rối loạn lo âu với cảm giác bồn chồn, khó chịu trong cơ thể, lo sợ, bi quan, uể oải, hay đổ mồ hôi trộm, da xanh xao tái nhợt, đôi khi ngất xỉu. Có cảm giác chán ăn, đầy hơi, buồn nôn, giảm ngon miệng, sụt cân.

**2. Điều trị**

* Ăn uống điều độ, bổ sung đầy đủ dinh dưỡng vào các bữa ăn hàng ngày: chất đạm, chất bột đường, chất béo, vi ta min và chất khoáng.
* Làm việc và nghỉ ngơi hợp lý, tránh làm việc quá căng thẳng.
* Tập thể dục rèn luyện cơ thể, chọn môn thể thao phù hợp: bơi lội, đi bộ, tập yoga...
* Không sử dụng thuốc lá, rượu và các chất kích thích.

**CHẨN TRỊ VỊ QUẢN THỐNG**

**(VIÊM LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG)**

*Mã ICD: K 29*

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**A. Bệnh danh: Vị quản thống**

**B. Các thể bệnh và điều trị:**

**1. Thể can khí phạm vị: (Can tỳ bất hòa)**

**\* Triệu chứng:** Đau bụng vùng thượng vị từng cơn, lan ra mạng sườn, xuyên ra sau lưng, bụng đầy chướng, ợ hơi, ợ chua, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch huyền.

**\* Pháp điều trị:** Sơ can hòa vị. Kiện tỳ, lý khí, chỉ thống.

**Bài 1**: Sài hồ sơ can thang gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20- 25 ngày. (Gia giảm từ 02 - 03 vị).

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sài hồ | 12- 16g | Cam thảo | 06 - 08g |
| Bạch thược | 10 - 20g | Bạch linh | 12 - 16g |
| Xuyên khung | 08 - 12g | Đẳng sâm | 12 - 16g. |
| Chỉ xác | 12 - 16g | Bạch truật | 12 - 16g. |
| Uất kim | 12 - 16g | Đương quy | 12 – 16g |
| Hương phụ | 12 - 16g | Ô tặc cốt | 12 - 16g |
| Mộc hương | 08 - 12g | Hoài sơn | 12 - 16g |
| Trần bì  | 08 - 12g | Đại táo | 12 - 16g |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày*. (Gia giảm từ 03 - 05 vị).*

\* Thủy châm: VTM nhóm B…theo chỉ định của bác sỹ

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

 - Điện châm: Tỳ du, vị du, can du, trung quản, thiên khu, đại hoành, Tam âm giao, túc tam lý...

- Cấy chỉ, Nhĩ châm: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.

- Xoa bóp bấm huyệt, cứu ngải: Theo chỉ định của Bác sỹ.

**2. Thể tỳ vị hư hàn:**

**\*Triệu chứng:** Đau vùng thượng vị liên miên, nôn nhiều, nôn ra thức ăn trong, mệt mỏi, thích xoa bóp chườm nóng, sợ lạnh, tay chân lạnh, đại tiện phân nát có lúc táo, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhạt, bệu, mạch hư tế.

**\*Pháp điều trị:** Kiện tỳ hòa vị, chỉ thống ôn trung tán hàn

**Bài 1:** Hoàng kỳ kiến trung thang gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. (Gia giảm từ 02 - 03 vị).

**Bài 2**: Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoàng kỳ | 12- 16g | Sa nhân  | 10 - 12g  |
| Bạch thược | 12 - 16g | Mộc hương | 08 - 12g |
| Bạch linh | 12 - 16g | Trần bì | 06 - 08g |
| Bạch truật | 12 - 16g | Bán hạ | 10 - 12g  |
| Đẳng sâm | 12 - 16g | Liên nhục | 12 - 16g |
| Cam thảo | 06 - 08g | Hoài sơn | 12 - 16g |
| Đại táo | 12 - 16g | Ô tặc cốt | 12 - 16g |
| Can khương | 06 - 08g | Uất kim | 12 - 16g |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

\* Thủy châm: Vitamin nhóm B (Theo chỉ định của Bác sỹ).

**\* Các phương pháp khác:**

- Điện châm: Tỳ du, vị du, quan nguyên, khí hải, trung quản, thiên khu, Tam âm giao, túc tam lý...

- Cấy chỉ, Nhĩ châm: Các huyệt theo chỉ định của Bác sỹ.

- Xoa bóp bâm huyệt, cứu ngải: Theo chỉ định của Bác sỹ.

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**

1. Triệu chứng:

\* Cơ năng: Đau âm ỉ ở vùng thượng vị, ợ hơi, ợ chua, có lúc đau rát ở vùng thượng vị, đau thành từng cơ dau dữ dội gặp trong viêm loét dạ dày tá tràng cấp tính, đau có lúc lan ra sau lưng, lên vai kèm theo có thể có nôn, ợ hơi, ợ chua.

\*Thực thể: Ấn vùng thượng vị đau tức.

\* XQ, Nội soi: Có hình viêm hoặc loét dày tá tràng.

2. Điều trị:

\*Điều trị nội khoa: (Theo phác đồ 14 ngày hoặc 30 ngày...)

- Gỉảm tiết nhóm kháng H2 dùng một trong các thuốc sau: Cimetidin, Ranitidine. Famotidine: Cimetidin 200mg x0 4v/24h uống sáng, chiều từ 14 ngày – 30 ngày. Kết hợp hai loại kháng sinh để điều vi khuẩn HP uống từ: 7 ngày – 10 ngày (Theo chỉ định của Bác sỹ)

- Gỉảm tiết dùng nhóm chẹn bơm Proton dùng mộtt trong các thuốc sau: Omeprazon 20mg, Lanzoprazol 30mg. Rosec 20mg…Kết hợp với hai loại kháng sinh để diệt vi khuẩn HP. Liều dùng, cách dùng, thời gian uống thuốc (Theo chỉ định của Bác sỹ).

- Omeprazol 20mg x 1 viên x 2 lần/ngày x 10 hoặc 14 ngày (hoặc Lanzoprazol 30mg)

- Amoxicillin 500mg x 2 viên x lần/ngày x 10 hoặc 14 ngày

- Clarithromycin 500mg x 1 viên x 2 lần/ngày x 10 hoặc 14 ngày (hoặc Metronidazol)

- Dùng thuốc liền vết loét, bọc niêm mạc dạ dầy (Theo chỉ định của Bác sỹ).

**\*Điều trị ngoại khoa khi:**

- Xuất huyết dạ dày – tá tràng, viêm loét dạ dày tá tràng nặng điều trị nội khoa thất bại.

- Thủng dạ dày tá tràng.

- Hẹp môn vị.

- Ung thư hóa.

**CHẨN TRỊ THOÁT THƯ**

**(VIÊM TẮC ĐỘNG MẠCH KHÔNG XÁC ĐỊNH)**

*Mã ICD: I77.6*

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**A. Bệnh danh: Thoát thư**

**B. Các thể bệnh và điều trị:**

**1. Thể hàn (**Giai đoạn hư hàn khí trệ huyết ứ còn gọi là giai đoạn dương hư hàn động tương ứng với thời kỳ đầu và giữa của bệnh viêm tắc động mạch).

**\*Triệu chứng:** Sắc mặt xanh, người mệt mỏi, thích ấm sợ lạnh, đầu chi tê lạnh đau, da trắng xanh, hay bị chuột rút, đi lại thì đau, nghỉ đỡ đau, chất lưỡi đạm nhạt, nước tiểu trong dài, mạch trầm trì vô lực. Dần dần tứ chi đau liên miên, đêm càng đau nhiều hơn, màu da ở chi nhợt nhạt, đầu chi khô, chất lưỡi đỏ hoặc có điểm tím, ứ huyết, mạch trầm nhược hay trầm tế.

**\*Pháp điều trị:** Ôn kinh tán hàn, hành khí hoạt huyết, thông lạc.

**Bài 1:** Tứ vật đào hồng gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình : 20- 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  Xuyên khung | 08 - 10g | Kê huyết đằng | 12 - 16g |
| Đan sâm | 10 - 12g  | Thương truật | 12 - 16g |
| Đào nhân  | 10 - 12g | Tế tân  | 08- 12g |
| Hồng hoa | 10 - 12g | Ngưu tất | 10 - 12g |
| Đương quy | 12 - 16g | Quế chi | 06 - 08g |
| Một dược | 08 - 12g  | Độc hoạt | 12 - 16g |
| Nhũ hương | 08 - 12g | Cam thảo | 06- 08g |
| Kim ngân hoa | 12-16g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình : 20- 30 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

\* Thủy châm: Vitamin nhóm B…theo chỉ định của bác sỹ

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

**-** Điện châm: Uỷ trung, Tam âm giao, Huyền chung, Thái khê, Thái xung, Túc tam lý, Huyết hải…

**-** Laser châm: các huyệt theo chỉ định của bác sỹ.

- Lares nội mạch công suất thấp, chiếu đèn hồng ngoại…

- Xoa bóp bấm huyệt: Theo chỉ định của bác sỹ.

**2. Thể nhiệt (**Giai đoạn nhiệt độc tương ứng với viêm tắc động mạch thể hoại thư ướt có dấu hiệu nhiễm trùng)

**\*Triệu chứng:** Tại chỗ sưng nóng, loét, hôi thối, đau kịch liệt, sốt, miệng khô, nước tiểu đỏ, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sác hoặc huyền sác.

**\*Pháp điều trị:** Thanh nhiệt giải độc, hành khí hoạt huyết, thông lạc.

**Bài 1:** Tứ diệu dũng an thang gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 30 ngày. (Gia giảm từ 02 - 03 vị).

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kim ngân hoa | 12 - 16g | Ngưu tất | 12 - 16g |
| Liên kiều | 12 - 16g | Hà thủ ô | 12 - 16g |
| Bồ công anh | 12 - 16g | Đẳng sâm | 12 - 16g |
| Huyền sâm | 12 - 16g | Kê huyết đằng | 12 - 16g |
| Sinh địa | 12 - 16g | Đan sâm | 12 - 16g |
| Đại táo | 06 - 08g | Ý dĩ | 12 - 16g |
| Hồng hoa | 10 - 12g | Xuyên khung | 06 - 08g |
| Tần giao | 12 - 16g | Cam thảo | 06- 08 g |
| Hoàng kỳ | 12 - 16g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

\*Thủy châm:Vitamin nhóm B... Theo chỉ định của bác sỹ

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

**-** Điện châm: Túc tam lý, Giải khê, Ủy trung, Tam âm giao, Huyền chung, Nội đình, Huyết hải…

**-** Chiếu đèn hồng ngoại: Theo chỉ định của bác sỹ.

**3. Thể khí huyết đều hư: (**Tương ứng với tình trạng kéo dài của bệnh)

**\* Triệu chứng:** Người mệt mỏi, hay ra mồ hôi, đau ít, vết loét không lành, tay chân lạnh, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch nhu tế hoãn

**\*Pháp điều trị: Bổ khí dưỡng huyết, hoạt huyết thông lạc.**

**Bài 1:** Bát trân thang gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. (Gia giảm từ 02 - 03 vị).

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hồng hoa  | 10– 12g  | Ý dĩ | 12 – 16g |
| Đào nhân | 10 – 12g | Tần giao  | 12 – 16g |
| Đương quy  | 12 – 16g | Độc hoạt  | 12 – 16g |
| Đan sâm  | 10 – 12g | Bạch thược  | 12 – 16g |
| Cam thảo  | 06 – 08g | Sinh địa  | 12 – 16g |
| Xuyên khung  | 06 – 08g | Bạch linh | 12 – 16g |
| Ngưu tất  | 10 – 12g | Hoàng bá | 12 – 16g |
| Hoàng kỳ | 12 – 16g | Hoàng cầm | 12 – 16g |
| Đảng sâm | 12 – 16g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\*Chế phẩm YHCT:** Hoàn thập toàn đại bổ, Hoạt huyết thông mạch.

**\*Thủy châm:** Vitamin nhóm B…theo chỉ định của Bác sỹ.

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

- Điện châm: Túc tam lý, Ủy trung, Huyền chung, Tam âm giao, Thái xung, Huyết hải…

- Chiếu đèn hồng ngoại: Theo chỉ định của Bác sỹ.

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**

1. Triệu chứng:

\*Cơ năng: Người mệt mởi đau tê ở đầu chi, thường đau ở tứ chi nhất là hai chi dưới, hay bị chuột rút, đi lại đau tăng, nghỉ nghơi đau. Lúc đầu chi lạnh dần dần đau dữ dội.

\*Thực thể: Nhìn: Màu sắc da: Tím hoặc trắng, tổn thương loét.

* Sờ: So sánh 2 bên để phân biệt độ lạnh, độ ẩm của da. Sờ mạch để xác định độ đập, tính chất của động mạch( Phân biệt tĩnh mạch, động mạch viêm: Nóng, sưng nề dọc đường đi của tĩnh mạch, cứng, ấn đau, có những chỗ phồng như hạt đậu.
* Ấn cơ dọc theo đường đi của động mạch từ đầu chi tới gốc chi.
* Nghiệm pháp:

 + Giơ chân lên cao sau 5 phút thấy tái nhợt bàn chân, đau tăng ở bắp chân và bàn chân.

+ Ép đầu ngón chân cái: Thấy móng chân trắng và khó trở lại màu hồng.

+ Phản ứng vận mạch da: Nếu các đường vạch lâu mất là biểu hiện của sự đáp ứng phản xạ ở trên da kém.

2. Điều trị:

- Chống viêm: dùng các thuốc Corticoid

- Kháng sinh phối hợp chống bội nhiễm: Amoxiclin…

- Chống kết tập tiểu cầu: Aspecgic 100mg hoặc Aspirin PH8

- Giảm đau: Paracetamol

- Vệ sinh vết loét hàng ngày nếu vết loét hoại thư có mủ.

(Theo chỉ định của Bác sỹ)

**CHẨN TRỊ CHỨNG HIẾP THỐNG**

**(BỆNH DÂY THẦN KINH LIÊN SƯỜN)**

*Mã ICD: G58.0*

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**A. Bệnh danh: Hiếp thống**

**B. Các thể bệnh và điều trị**

**1. Thể phong hàn**

**\*Triệu chứng:** Đau liên sườn dọc theo đường đi của dây thần kinh, đau nhất ở vùng rễ sau lưng, đường nách giữa, sụn ức đòn, ho thở đều đau, sợ lạnh, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù.

**\*Pháp điều trị:** Khu phong, tán hàn, hành khí hoạt huyết

**Bài 1:** Tiểu sài hồ thang gia giảm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

 Sắc ngày 01 thang uống sáng - chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. Gia giảm từ 02 – 03 vị

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

Sài hồ 12g – 16g Đẳng sâm 12g – 16g

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quế chiPhòngphongTrần bì | 08g – 10g12g – 16g06g – 10g | Bạch chỉKhương hoạtUất kim | 10g – 12g12g – 16g12g – 16g |
| Chỉ xácSài hồĐương quyTáo nhân | 10g – 12g12g – 16g12g – 16g12g – 16g | Xuyên khungĐan sâmBạch thượcCam thảoTế tân | 08g – 10g12g – 16g12g – 16g06g – 08g06g – 08g |

Sắc ngày 01 thang uống sáng - chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\*Các chế phẩm:** Cồn xoa bóp, Chè an thần…

**\*Thủy châm:** vitamin nhóm B… theo chỉ định của bác sỹ

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

- Điện châm: A thị huyệt vùng rễ thần kinh xuất phát, Nội quan, Dương lăng tuyền, Chương môn, Can du, Cách du, Hành gian…

- Xoa bóp bấm huyệt bằng tay, Cứu ngải, Giác hơi, Cấy chỉ, Laser châm…theo chỉ định của bác sỹ

- Chiếu đèn hồng ngoại, Điện xung, Sóng ngắn, Lazer nội mạch, Điện phân dẫn thuốc, Bó Paraphin…Theo chỉ định của bác sỹ

**2. Thể Can khí uất nghịch**

**\*Triệu chứng:** Đau trướng ở một hoặc hai bên sườn, có cảm giác đầy tức, đau di chuyển, khi đau phụ thuộc vào sự thay đổi tình chí mà tăng giảm, ngực trướng, khó chịu, hay thở dài, bụng đầy chướng, ăn ít, người dễ cáu gắt, rêu lưỡi mỏng, mạch huyền.

**\*Pháp điều trị:** Sơ can lý khí

**Bài thuốc 1:** Tiêu giao tán gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng - chiều

Liệu trình: 20 - 30 ngày. Gia giảm 02 – 03 vị

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bạch truậtTần giaoBạch thượcTrần bìBạch linhUất kimSài hồĐan sâm | 12g – 16g12g – 16g12g – 16g08g – 10g12g – 16g12g – 16g12g – 16g 12g – 16g | Hương phụĐan bìChi tửCam thảoBình vôiĐẳng sâmTáo nhânHà thủ ô | 12g – 16g12g – 16g12g – 16g06g – 08g12g – 16g12g – 16g12g – 16g12g – 16g |

Sắc ngày 01 thang uống sáng - chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\*Các chế phẩm:** Cồn xoa bóp, Chè an thần…

**\*Thủy châm:** vitamin nhóm B…theo chỉ định của bác sỹ

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

- Điện châm: A thị huyệt, Dương lăng tuyền, Hành gian, Kỳ môn, Chiên trung, Chi câu, Phong long, Nội quan

- Xoa bóp bấm huyệt bằng tay, Cứu ngải, Giác hơi, Cấy chỉ, Laser châm…

- Chiếu đèn hồng ngoại, Điện xung, sóng ngắn, Lazer nội mạch, Điện phân dẫn thuốc, Bó Paraphin…

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**

1. Triệu chứng:

\*Cơ năng: Đau liên sườn dọc theo đường đi của dây thần kinh có lúc đau tăng khi lạnh, khi ho thở mạnh hắt hơi, đau nhất ở vùng dễ sau lưng, đường nách giữa đường đòn.

\*Thực thể: Ân cạnh cấc đốt sống từ D1- D12 Bệnh nhân đau (nếu do tổn thương cột sống gây chèn ép dây thần kinh). Âns dọc theo các xương sườn đau tức, có trường đau buốt bệnh nhân không chụi được.

\* Cận lâm sàng: XQ nếu do tổn thương cột sống sẽ thấy các hình ảnh bệnh lý (tùy theo từng nguyên nhân)

2. Điều trị

**-** Điều trị nguyên nhân nếu có

**-** Nghỉ ngơi, tăng cường sức đề kháng: Vitamin nhóm B, C…

**-**Thuốc giảm đau, giãn cơ như: Paracetamol, Neurotin, Diclofenac, Meloxicam, Mydocalm…

**CHẨN TRỊ CHỨNG TIẾT TẢ**

**(HỘI CHỨNG RUỘT KÍCH THÍCH)**

*Mã ICD: K58*

**I. Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**A. Bệnh danh: Tiết tả**

**B. Các thể bệnh và điều trị:**

**1. Thể hàn thấp (**Thường gặp ỉa chảy do nhiễm lạnh, lên men hơi).

**\*Triệu chứng:** Đau đầu, đau mình, đau bụng, sôi bụng, ỉa chảy, hơi sợ lạnh sợ gió. Rêu lưỡi trắng dày, tiểu tiện ít, mạch nhu hoãn, phù hoãn.

**\*Pháp điều trị:** Giải biểu tán hàn (ôn hàn táo thấp, ôn trung táo thấp, phu hương hóa trọc).

**Bài 1:** Hoắc hương chính khí tán gia giảm

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình : 20- 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoắc hương |  08 - 10g | Cát cánh | 12 - 16g |
| Hậu phác  | 10 - 12g  | Bán hạ chế | 08g - 12g |
| Tô diệp | 10 - 12g | Bạch chỉ | 10g - 12g |
| Trần bì | 08g - 10g | Cam thảo | 06g - 08g |
| Đại táo | 08g - 10g | Sinh khương | 06g - 08g |
| Đại phúc bì | 10g - 12g  | Sa nhân | 12g - 16g |
| Bạch truật | 10g - 12g | Mộc hương | 10g - 12g |
| Bạch linh | 08g -12g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình : 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

 (Tùy vào tình trạng bệnh lý nếu có các triệu chứng về lâm sàng, cận lậm sàng khác hoặc có bệnh lý kèm theo. Thì Bác sỹ chỉ định các phương pháp, các thủ thuật về y học cổ truyền và phục hồi chức năng để điều trị cho phù hợp)

**2. Thể thấp nhiệt (ỉa chảy nhiễm trùng)**

**\*Triệu chứng:** Nôn mửa, ỉa chảy nhiều, lần phân vàng có hạt, mùi thối. hậu môn nóng rát, đau bụng, mạch sác.

**\*Pháp điều trị:** Thanh nhiệt lợi thấp, hóa thấp phương hương hóa trọc.

**Bài 1:** Cát cánh cầm liên thang.

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. (Gia giảm từ 02 - 03 vị).

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sơn tra | 12g- 16g | Cát cánh | 12g - 16g |
| Thần khúc | 12g - 16g | Hoàng liên | 12g - 16g |
| Hoàng cầm | 12g - 16g | Hậu Phác | 12g - 16g |
| Nhân trần | 16g - 20g | Thảo quả | 12g - 16g |
| Kim ngân hoa | 16g - 20g | Sa nhân | 12g - 16g |
| Cam tảo | 06g - 08g | Biển đậu | 12g - 16g |
| Mộc hương | 12g - 16g | Mộc thông | 12g – 16g |
| Hoắc hương | 08g - 112g | Cam thảo | 06g - 08 g |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 – 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

 (Tùy vào tình trạng bệnh lý nếu có các triệu chứng về lâm sàng, cận lậm sàng khác hoặc có bệnh lý kèm theo. Thì Bác sỹ chỉ định các phương pháp, các thủ thuật về y học cổ truyền và phục hồi chức năng để điều trị cho phù hợp)

**3. Thể thực tích: (**Do ăn uống, do ăn nhiều thịt mỡ …)

**\* Triệu chứng:** Đau bụng nhiều phân thối, chướng bụng, ợ hơi, đại tiện song đỡ đầy, mạch huyền sác hay trầm huyền.

**\*Pháp điều trị: Tiêu thực đạo trệ (tiêu háo đồ ăn)**

**Bài 1:** Chỉ thực đạo trệ hoàn.

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 – 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ thực  | 12– 16g  | Thần khúc | 12g – 16g |
| Bạch truật | 12g – 16g | Sơn tra  | 12g – 16g |
| Bán hạ  | 12g – 16g | Liên kiều  | 12g – 16g |
| Phục linh  | 12g – 16g | Can khương  | 08 – 10g |
| Trần bì  | 06g – 08g | Sinh địa  | 08g – 12g |
| Liên kiều  | 06g – 08g | Đại hoàng | 08g – 10gg |
| Hoàng liên  | 10g – 12g | Bạch linh | 08g – 12g |
| Trạch tả | 12g – 16g | Cam thảo | 06g – 08g |
| Chỉ thực | 12g – 16g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\*Các phương pháp không dùng thuốc:**

 (Tùy vào tình trạng bệnh lý nếu có các triệu chứng về lâm sàng, cận lậm sàng khác hoặc có bệnh lý kèm theo. Thì Bác sỹ chỉ định các phương pháp, các thủ thuật về y học cổ truyền và phục hồi chức năng để điều trị cho phù hợp)

**4. Thể tỳ vị hư**

(Gặp ở những trường hợp rối loạn tiêu hóa do kém hấp thụ, loạn vi khuẩn, viêm đại tràng mãn).

**\*Triệu chứng:** Phân nát, sống phân, ăn ít, người mệt, sắc mặt càng nhợt, có thể phù dinh dưỡng, chất lưỡi nhạt mạch nhu hoãn.

**\*Pháp điều trị:** Bổ tỳ vị (kiện tỳ trợ vận).

**Bài 1:** Sâm linh bạch truật tán.

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đẳng sâm | 12g- 16g | Liên nhục | 12g - 16g |
| Bạch truật | 12g - 16g | Ý dĩ | 12g - 16g |
| Liên nhục | 12g - 16g | Can khương | 08g - 10g |
| Cát cánh | 08g - 12g | Thảo quả | 12g - 16g |
| Hoài sơn | 12g - 16g | Sa nhân | 12g - 16g |
| Cam thảo | 06g - 08g | Biển đậu | 12g - 16g |
| Mộc hương | 12g - 16g | Mộc thông | 12g – 16g |
| Hoắc hương | 08g - 112g | Cam thảo | 06g - 08 g |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

 (Tùy vào tình trạng bệnh lý nếu có các triệu chứng về lâm sàng, cận lậm sàng khác hoặc có bệnh lý kèm theo. Thì Bác sỹ chỉ định các phương pháp, các thủ thuật về y học cổ truyền và phục hồi chức năng để điều trị cho phù hợp)

**5. Thể Thận dương hư hay mệch môn hỏa suy (**Thường gặp ỉa chảy ở người già người thể dương hư).

**\*Triệu chứng:** Hay đi ỉa chảy vào buổi sơm, đau bụng ở hạ vị, sống phân. Bụng chướng lạnh ăn kém, chậm tiêu chân tay lạnh, mạch trầm tế, nhược.

**\*Pháp điều trị: Ôn bổ tỳ, thận dương, ôn bổ mệch môn tỳ dương**.

**Bài 1:** Tứ tuần hoàn thang gia giảm.

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình : 20- 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**Bài 2:** Đối pháp lập phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phụ tử chế | 08g - 10g | Phá cố chỉ | 10 - 12g |
| Đẳng sâm | 10g - 12g  | Ngũ vị tử | 08g - 12g |
| Bạch truật | 10g - 12g | Trần bì | 08g - 10g |
| Can khương | 08g - 10g | Thỏ ty tử | 16g - 20g |
| Phá cố chỉ | 10g – 12g | Can khương | 06g - 08g |
| Ngô thù du | 08g - 10g  | Hoắc hương | 12g - 16g |
| Nhục đậu khấu | 10g - 12g | Khiếm thực | 10g - 12g |
| Cam thảo | 08g -10g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình : 20- 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

 (Tùy vào tình trạng bệnh lý nếu có các triệu chứng về lâm sàng, cận lậm sàng khác hoặc có bệnh lý kèm theo. Thì Bác sỹ chỉ định các phương pháp, các thủ thuật về y học cổ truyền và phục hồi chức năng để điều trị cho phù hợp)

**6. Thể can tỳ bất hòa.**

**(Gặp ở những người ỉa chảy do tinh thần)**

**\*Triệu chứng:** Mỗi khi giận dữ, suy nghĩ, bị kích động, sẽ bị ỉa chảy hoặc ỉa chảy nhiều hơn, đầy bụng, đau bụng, sôi bụng, ngực sườn đầy tức, ợ hơi, ăn kém, mạch huyền.

**\*Pháp điều trị:** Điều hòa can vị.

**Bài 1:** Thống tả yếu phương..

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**Bài 2:** Đối pháp lập phương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cát căn  | 12g- 16g | Cam thảo | 06g - 08g |
| Cúc hoa | 10g - 12g | Hoàng liên | 12g - 16g |
| Sa tiền tử | 10g - 12g | Bạch thược | 12g - 16g |
| Đẳng sâm | 12g - 16g | Bạch truật | 12g - 16g |
| Sài hồ | 12g - 16g | Chỉ xác | 12g - 16g |
| Trần bì | 08g - 10g | Hoàng liên | 12g - 16g |
| Mộc hương | 12g - 16g | Hoàng liên | 12g – 16g |
| Bạch thược | 12g - 16g |  |  |

Sắc ngày 01 thang uống sáng, chiều

 Liệu trình: 20 - 25 ngày. *(Gia giảm bài thuốc từ 03 - 05 vị)*

**\* Các phương pháp không dùng thuốc:**

(Tùy vào tình trạng bệnh lý nếu có các triệu chứng về lâm sàng, cận lậm sàng khác hoặc có bệnh lý kèm theo. Thì Bác sỹ chỉ định các phương pháp, các thủ thuật về y học cổ truyền và phục hồi chức năng để điều trị cho phù hợp).

**II. Y HỌC HIỆN ĐẠI**

1. **Triệu chứng:**

\*Các năng: triệu chứng của HCRKT rất thay đổi, khác nhau ở mỗi người bệnh và có thể diễn biến theo thời gian.

* Rối loạn đại tiện: thay đổi số lần đại tiện, phân lỏng, táo bón xen kẽ bình thường bị tái đi tái lại nhiều lần.
* Đau bụng hoặc khó chịu ở bụng bớt khi đi trung tiện, tăng lên khi bị táo bón.
* Bụng căng, trướng hơi, bụng mềm không có dấu hiệu gì đặc biệt khi thăm khám.
* Cảm giác đau khó chịu ở bụng giảm đi sau đại tiện, đau âm ỉ không ở vị trí nào rõ rệt, có lúc đau dữ dội rồi trở về bình thường.
* Phân có thể có chất nhầy.
* Bệnh diến biến nhiều năm nhưng tình trạng sức khỏe toàn thân không thay đổi.
* Có thể có các triệu chứng ngoài tiêu hóa như: nhức đầu, đau đầu, mệt mỏi, khó ngủ, lo lắng, suy sụp tinh thần.

 **\*Cận lâm sàng:**

* Xét nghiệm máu: hồng cầu, bạch cầu – huyết sắc tố bình thường, không có thiếu máu.
* Xét nghiệm phân: không có máu, không có vi khuẩn gây bệnh.
* Chụp Xquang đại tràng: không tìm thấy hình ảnh tổn thương hoặc cấu trúc bất thường ở đại tràng.

Thường có hình ảnh rối loạn nhu động co bóp ở đại tràng (hình chồng đĩa, hình thẳng đuỗn).

* Soi trực tràng – sigma tràng hoặc đại tràng: niêm mạc hồng bóng, có thể có xung huyết nhẹ, tăng tiết nhầy, tăng co thắt hoặc giảm nhu động.
* Sinh thiết để xét nghiệm mô bệnh học thấy niêm mạc bình thường.
* Triệu chứng nào đặc trưng cho bệnh ruột dễ kích thích, đứng trước một bệnh nhân với các triệu chứng rối loạn phân, trướng bụng đầy hơi, đau bụng tái đi tái lại trong nhiều năm mà tình trạng toàn thân không giảm sút, sinh hoạt vẫn bình thường, các triệu chứng lâm sàng thể hiện sự rối loạn chức năng ruột thì được chẩn đoán là bệnh ruột dễ kích thích.

Hiện nay các nước áp dụng rộng rãi tiêu chuẩn của Rome II (1999). Gồm các triệu chứng:

* Đau bụng hoặc khó chịu sảy ra trong 12 tháng qua và ít nhất trong 12 tuần (không nhất thiết phải liên tiếp) có ít nhất 2 trong 3 đặc điểm sau:

Đau bụng kèm theo:

+ Bớt đi sau khi đại tiện

+ Kết hợp thay đổi hình dạng phân

+ Kết hợp với thay đổi số lần đi ngoài.

* Những triệu chứng có thể giúp chẩn đoán:

+ Số lần đi đại tiện không bình thường (>3 lần trong ngày hoặc ít hơn 3 lần trong 1 tuần).

+ Phân không bình thường (nhão lỏng, cứng).

+ Lúc đại tiện không bình thường (phải rặn, phải chạy vội vào toilet hoặc cảm giác đi chưa hết phân).

+ Phân có nhầy mũi.

+ Bụng trướng hơi hoặc cảm giác nặng bụng.

Trong 5 triệu chứng nói trên, nếu có một hoặc nhiều triệu chứng thường xuyên xảy ra trong đợt đau bụng, chiếm đến ¼ thời gian của đợt, giúp cho thầy thuốc tin rằng ruột là nguồn gốc của đau bụng.

Một phân loại khác của Mỹ chia hội chứng ruột kích thích theo sự nổi trội của rối loạn vận chuyển của phân.

Ỉa lỏng, táo bón hoặc táo lỏng xen kẽ, phân loại này dựa trên hướng điều trị theo triệu chứng.

Các tác giả thấy rằng điều trị ruột kích thích

* Không có loại thuốc nào duy nhất điều trị khỏi ruột bị kích thích, không có phác đồ nào cụ thể điều trị cho tất cả bệnh nhân bị ruột kích thích.
* Cần điều trị theo triệu chứng đặc trưng cho từng đợt là hợp lý va có lợi nhất.
* Không dùng thuốc kháng sinh trừ trường hợp có bội nhiễm vi khuẩn.
1. **ĐIỀU TRỊ**

**\*Chế độ ăn uống:**  quan trọng nhất, đặc biệt trong đợt đang có triệu

chứng đau bụng.

 \*Ăn kiêng:

 - Những thức ăn không thích hợp như sữa, tôm, cua, cá. Bệnh nhân phải tự tìm những thức ăn thích hợp, tráng các thức ăn sau:

* Những thức ăn sinh hơi nhiều và khó tiêu như khoai tây, sắn.
* Những chất kích thích: rượu, cà phê, gia vị.
* Hoa quả khó tiêu, có nhiều đường: cam, quýt, soài, mít.
* Thức ăn nhiều sợi xơ: không kiêng hẳn nhưng không ăn quá nhiều.
* Thức ăn nhiều đường: bánh ngọt, kẹo…
* Các đồ uống có gaz: coca, 7 úp…
* Các thức ăn để lâu, bảo quản không tốt.
* Các thức ăn sống.

 **\*** Rất cần thiết, phải kiên trì, công phu:

 - Luyện đi ngoài ngày 1 lần vào buổi sáng.

 - Massage bụng buổi sáng để gây cảm giác đi ngoài.

 - Luyện tập thư giãn, khí công: rất có hiệu quả đối với trường hợp hội chứng ruột kích thích ở bệnh nhân bị bệnh tâm thể.

\*Điều trị triệu chứng:

*+ Chống đau, chống co thắt tùy theo mức độ đau có thể dùng thuốc:*

* Phloroglucinol (Spasfon) viên 80mg: 4-6 viên/ngày.

Viên đặt dưới lưới 80mg: 2-3 viên/ ngày.

Ống tiêm 40mg: 1-3 ống/ ngày

 -Trimebutin (Debridat) viên 100mg ngày uống 1-6 viên

 - Mebeverin (Duspatalin) viên nén 100mg ngày uống từ 2-4 viên.

 - Thuốc trên không những có tác dụng chống co thắt, hướng cơ làm giảm đau mà còn có tác dụng với các triệu chứng khác như: giảm đầy hơi, chướng bụng, rối loạn vận động của đại tràng.

 *\*Chống táo bón;*

 - Forlax: gói 10 gam, ngày uống từ 1-2 gói.

 - Duphalax: gói 10 gam, 1-3 gói/ngày.

 - Igol thuốc bổ sung chất xơ, uống ngày từ 1-6 gói liền trong 3 ngày.

 - Sorbitol: gói 5 gam ngày uống 1-3 gói.

 - Microlax: thuốc loại gen, bôi vào trực tràng ống 3ml, chỉ định trong táo bón do co thắt trực tràng hậu môn.

- Các thuốc chống táo bón không nên dùng kéo dài, khi có đại tiện bình thường nên ngừng thuốc, chọn một trong các loại thuốc thích hợp với từng bệnh nhân cụ thể.

*\*Cầm ỉa chảy:* dùng các thuốc làm chậm nhu động ruột, tạo màng bọc niên mạc.

- Actapulgte: uống 2-3 gói/ ngày

- Imodium viên 2 mg: uống từ 1-6 viên, nên thử liều từ 1-2 viên/ ngày điều chỉnh theo triệu chứng lâm sàng.

- Smecta: gói uống ngày 2-3 gói.

*\*Chống chướng bụng đầy hơi:*

- Than hoạt,carbophos.

- Debridat, motilium –M.

- Duspatalin, Sorbitol.

*\*Diệt khuẩn ruột.* Khi có nhiễm trùng ruột phối hợp, cần thận trọng không nên lạm dụng vì dùng kháng sinh kéo dài có thể đưa đến loạn khuẩn.

*\*Tâm lý liệu pháp.*

*- Cần giải* thích kỹ cho bệnh nhân biết rõ bệnh không nguy hiểm, ít ảnh hưởng đến sức khỏe để bệnh nhân yên tâm có thể chung sống hòa bình với bệnh, cần góp phần quan trọng làm giảm các triệu chứng. Một số bệnh nhân thuộc dạng bệnh tâm thể có thể cho thuốc an thần kinh để chống mất ngủ.

- Dogmatil: thuốc an thần kinh, giải ức chế.

- Viên 50 mg. Chỉ định trong rối loạn chức năng ruột có trạng thái thần kinh bị ức chế. 2-4 viên/ ngày.

 *\*Thay đổi môi trường sống:*

Một số suối nước nóng có khả năng làm dịu những rối loạn cơ năng ruột. Người bệnh có thể đi nghỉ tại nơi an dưỡng, tắm biển, nơi có khí hậu mát.

**MỤC LỤC**

[1. CHẨN TRỊ TỌA CỐT PHONG](#_Toc499134383) [( ĐAU THẦN KINH TỌA ) 2](#_Toc499134384)

[2. CHẨN TRỊ KHẨU NHÃN OA TÀ](#_Toc499134385) [( BỆNH DÂY THẦN KINH MẶT, LIỆT BELL) 6](#_Toc499134386)

[3. CHẨN TRỊ TRÚNG PHONG KINH LẠC](#_Toc499134387) [(ĐỘT QUỴ KHÔNG XÁC ĐỊNH DO XUẤT HUYẾT NÃO](#_Toc499134388) [HAY NHỒI MÁU NÃO) 11](#_Toc499134389)

[4. CHẨN TRỊ HUYỄN VỰNG](#_Toc499134390) [(TĂNG HUYẾT ÁP) 19](#_Toc499134391)

[5. CHẨN TRỊ HẠ TRĨ](#_Toc499134392) [(TRĨ ) 25](#_Toc499134393)

[6. CHẨN TRỊ PHONG CHẨN](#_Toc499134394) [(MÀY ĐAY, VIÊM DA CƠ ĐỊA DỊ ỨNG, VIÊM DA](#_Toc499134395) [TIẾP XÚC DỊ ỨNG, NGỨA ) 30](#_Toc499134396)

[7. CHẨN TRỊ ĐẦU THỐNG](#_Toc499134397) [( HỘI CHỨNG NHỨC ĐẦU KHÁC ) 33](#_Toc499134398)

[8. CHẨN TRỊ YÊU THỐNG](#_Toc499134399) [( ĐAU LƯNG ) 40](#_Toc499134400)

[9. CHẨN TRỊ CHỨNG TÝ](#_Toc499134401) [( VIÊM KHỚP DẠNG THẤP ) 47](#_Toc499134402)

[10. CHẨN TRỊ CHỨNG TÝ](#_Toc499134403) [(BỆNH MỘT DÂY THẦN KINH CHI TRÊN, HỘI CHỨNG TAY CỔ,](#_Toc499134404) [ĐAU VÙNG CỔ GÁY) 51](#_Toc499134405)

[11. CHẨN TRỊ HƯ LAO](#_Toc499134406) [(SUY MÒN, SUY YẾU TUỔI GIÀ, KHÓ Ở VÀ MỆT MỎI) 56](#_Toc499134407)